

TƯ DUY **Bứt phá** ✦
VỮNG BƯỚC **Vươn xa**



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

TRỤ SỞ CHÍNH

📍 32 Ngô Thời Nhiệm, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
☎ (028) 2221 6468 📠 (028) 222 10 408 ✉ info@pecc2.com

PECC2 INNOVATION HUB

📍 45 Đường Số 2, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
☎ (028) 2221 6468 📠 (028) 222 10 408 ✉ info@pecc2.com

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2023

10
KẾT QUẢ
NỔI BẬT
NĂM 2023

Gần **40** Năm
Hoạt động và phát triển
trở thành **THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU**
trong ngành năng lượng Việt Nam

Đạt danh hiệu
“**DOANH NGHIỆP
CÓ SỰ TIẾN BỘ VƯỢT TRỘI**”
do Sở Giao dịch Chứng khoán
TP.HCM (HoSE) cấp

Thực hiện tư vấn dự án
**CẤP ĐIỆN TỪ LƯỚI ĐIỆN
QUỐC GIA**
cho huyện Côn Đảo,
tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tham gia thiết kế xây dựng
**Dự án đường dây
500 kv**
Mạch 3 từ Quảng Trạch đến Phố Nối



TƯ DUY **Bứt phá** VỮNG BƯỚC **Vươn xa**



NỘI DUNG

01	Thông điệp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	05	Quản trị công ty
02	Tổng quan về PECC2	06	Phát triển bền vững
03	Báo cáo hoạt động	07	Báo cáo tài chính
04	Định hướng phát triển công ty		

THÔNG DIỄN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác,

Năm 2023 chứng kiến nền kinh tế toàn cầu vẫn đang hồi phục sau đại dịch COVID-19, nhưng gặp nhiều trở ngại như lạm phát, lãi suất biến động mạnh, bất ổn chính trị và thiên tai. Điều này đã thúc đẩy sự thay đổi trong xu hướng đầu tư thương mại toàn cầu, đặc biệt là hướng tới tăng trưởng bền vững. Đối với ngành điện, năm 2023 là năm đặc biệt khó khăn, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào ngày 15/5/2023, nhưng vẫn chưa có kế hoạch thực hiện chi tiết, khiến nhiều dự án điện chưa triển khai theo kế hoạch, kết hợp nhiều yếu tố khách quan dẫn đến việc thiếu điện kéo dài gây ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế, môi trường đầu tư, uy tín của ngành.

Trong bối cảnh khó khăn chung đó, toàn thể Công ty PECC2 đã nỗ lực làm việc với tinh thần và quyết tâm cao nhất để vượt qua khó khăn. Năm 2023 đã ghi nhận một PECC2 kiên định với nhiều điểm sáng trên thị trường ngành năng lượng Việt Nam.

Giải thưởng "Doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt trội" tại Lễ trao giải cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết 2023 ngày 15/12/2023 chính là sự ghi nhận quý giá những nỗ lực của PECC2 trong việc minh bạch về thông tin, chuẩn hóa Quản trị Công ty và linh hoạt trong điều hành để thích ứng với các biến động, củng cố lại nguồn lực, bình tĩnh tạo tiền đề để bước sang năm bản lề 2024.

Những kết quả đáng khích lệ như trên xuất phát từ quyết tâm của Ban lãnh đạo công ty trong việc chỉ đạo, điều hành và sự nỗ lực của cả tập thể Công ty PECC2. Với hướng đi phù hợp, sự chỉ đạo đúng đắn và quyết liệt như thời gian qua, PECC2 đang nỗ lực giữ vững những thành quả đã đạt được, tiếp tục phấn đấu đạt kết quả tốt hơn trong những năm tới.

Thay mặt Hội đồng quản trị PECC2, tôi xin bày tỏ sự tri ân đối với Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác đã tin tưởng, ủng hộ, hợp tác và đồng hành cùng PECC2. Tôi cũng xin chân thành cảm ơn Ban điều hành, các cấp quản lý và toàn thể thành viên PECC2 đã thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm, nâng cao tinh thần phụng sự để cùng nhau vượt qua một năm 2023 đầy thách thức.

Kính chúc Quý cổ đông, Quý khách hàng, Đối tác và toàn thể nhân sự PECC2 một năm 2024 dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
NGUYỄN CHƠN HÙNG

01

TỔNG QUAN VỀ PECC2

- ⑩ Thông tin chung
- ⑫ Lịch sử hình thành và phát triển
- ⑭ Mô hình kinh doanh của PECC2
- ⑯ Mô hình hoạt động của công ty
- ⑰ Mô hình quản trị
- ⑳ Giới thiệu nhân sự chủ chốt
- ㉓ Công ty liên kết

THÔNG TIN CHUNG



Tên tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
Tên tiếng Anh	POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 2
Tên viết tắt	PECC2
Giấy ĐKKD	Số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 29/10/2007, đăng ký thay đổi tại Sở Kế hoạch và Đầu tư lần thứ 21 ngày 05/12/2022
Địa chỉ trụ sở chính	32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ kinh doanh	45 Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (84.28) 222 16468

Fax (84.28) 222 10 408

Email info@pecc2.com

Website www.pecc2.com

Mã chứng khoán TV2

Vốn điều lệ (Vốn đầu tư của chủ sở hữu)

675.261.650.000 VNĐ



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

PECC2



1981

Bộ Điện lực điều động lực lượng kỹ sư và công nhân vào miền Nam để thiết kế xây dựng công trình Thủy điện Trị An – Công trình nguồn điện đầu tiên ở phía Nam từ ngày thống nhất đất nước.



01/7/1985

Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2) ra đời, trực thuộc bộ Điện lực.



25/05/1987

Thành lập Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam (Nay là Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng).



1996

Thành lập chi nhánh xí nghiệp cơ điện (Nay là chi nhánh Cơ Điện).



11/01/1999

Công ty được đổi tên thành Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) theo Quyết định số 02/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.



01/11/2007

Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2, trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 51,26% cổ phần.



22/09/2018

Thành lập Chi nhánh Trung tâm Quản lý và Vận hành Nhà máy điện (Đây là Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện).



18/05/2017

PECC2 khai trương Văn phòng Đại diện tại Myanmar.



2016

Doanh thu PECC2 vượt mốc 1000 tỷ VND.



2015

PECC2 đón nhận Huân chương Độc lập hạng 1.



25/03/2014

Thành lập Ban Quản lý dự án EPC.



01/05/2010

Thành lập Trung tâm Tư vấn Lưới điện.



13/10/2009

PECC2 chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.



16/11/2007

Thành lập Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện Hạt nhân và Trung tâm Tư vấn Thủy điện & Năng lượng tái tạo.



06/06/2019

Chuyển sàn, chính thức niêm yết cổ phiếu PECC2 trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.



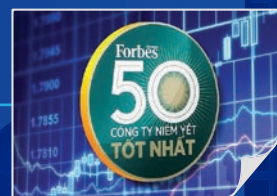
07/10/2019

Khánh thành Trung tâm Vận hành Nhà máy điện điều khiển từ xa PECC2-OCC.



10/02/2020

Thành lập Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu phát triển.



2020

TOP 50 doanh nghiệp niêm yết Cổ phiếu tốt nhất năm 2020.



31/03/2021

Thành lập Trung tâm Năng lực số.



22/04/2021

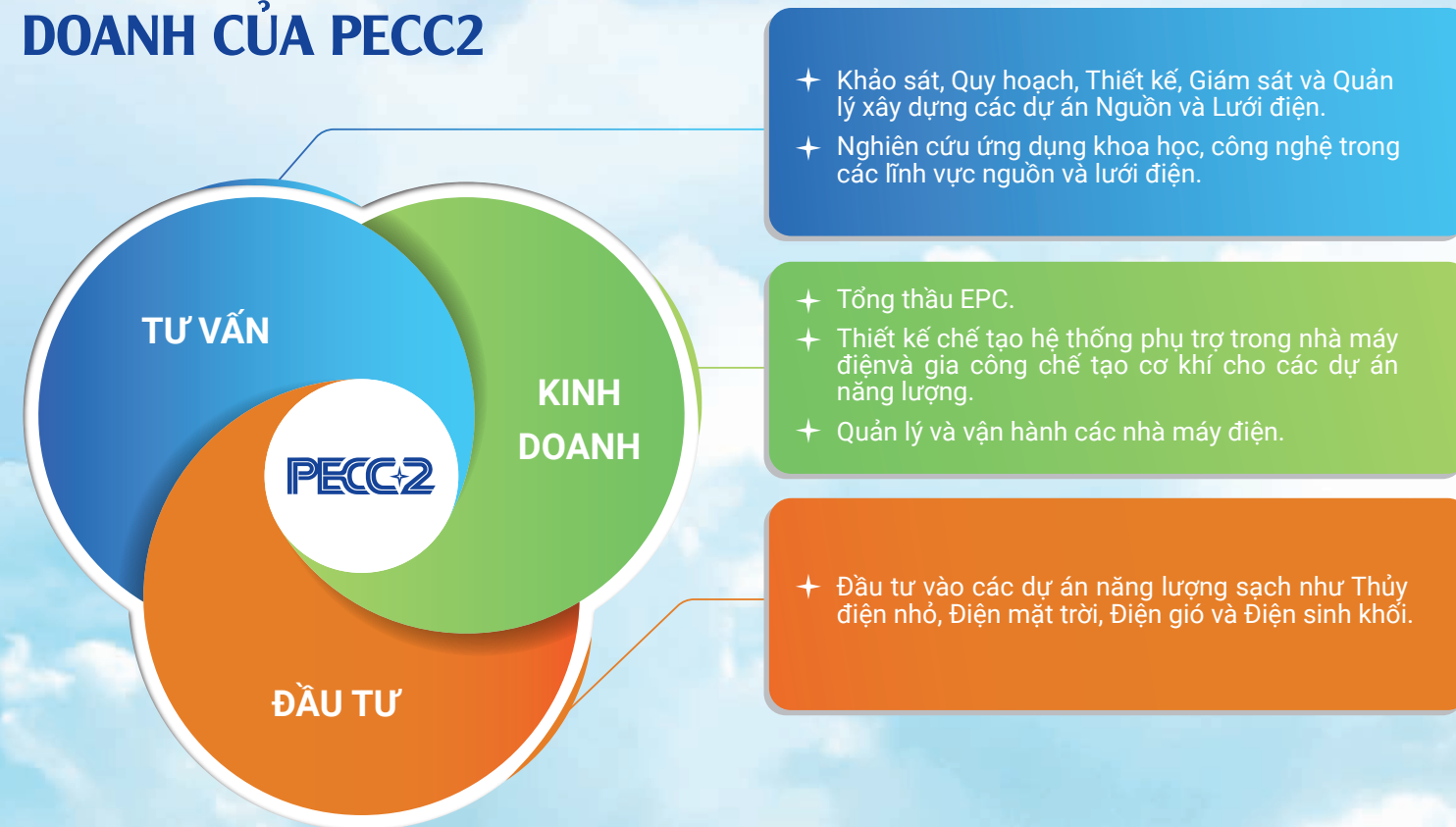
Khánh thành Tòa nhà PECC2 Innovation Hub.



15/12/2023

PECC2 được vinh danh là Doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt trội năm 2023.

MÔ HÌNH KINH DOANH CỦA PECC2



Gần **40** Năm
Hoạt động và phát triển

PECC2

TRỞ THÀNH THƯƠNG HIỆU **Hàng đầu**
TRONG NGÀNH NĂNG LƯỢNG
VIỆT NAM



TƯ VẤN HƠN 100 DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN
>25.000 MW



TƯ VẤN HƠN 150 TRẠM BIẾN ÁP
>28.000 MVA



TƯ VẤN HƠN 450 DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY
>6.500 KM



QUẢN LÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY ĐIỆN
>4.800 MW



TƯ VẤN DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO
>3.200 MW

CHI NHÁNH KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG

📍 45 Dân Chủ, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
☎ (84 28) 38965 279
☎ 84 28) 2221 6468 - Ext.6105
✉ psc@pecc2.com

CHI NHÁNH CƠ ĐIỆN

📍 45 Đường số 2, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
☎ (84 28) 2221 6468 - Ext: 7000/7300
✉ peme@pecc2.com
Nhà máy Long Khánh :
Đường số 6, KCN Long Khánh, Xã Bình Lộc,
TP. Long Khánh, Đồng Nai, Việt Nam

CHI NHÁNH VẬN HÀNH VÀ BẢO TRÌ NHÀ MÁY ĐIỆN

📍 45 Đường số 2, P. Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. HCM
☎ 096 9966 079
✉ info.pom@pecc2.com

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **NGUYỄN CHƠN HÙNG**
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày sinh: 02/6/1970

Trình độ chuyên môn: Ths. Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: Có hơn 25 năm công tác trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng Điện và 13 năm trong công tác Lãnh đạo điều hành Công ty.

Tỷ lệ cổ phần: 0,22%

Ông **VÕ VĂN BÌNH**
THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 20/8/1979

Trình độ chuyên môn: Ths. Quản lý dự án đầu tư xây dựng

Kinh nghiệm: Có hơn 15 năm công tác trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng Điện và 6 năm trong công tác Lãnh đạo, điều hành Công ty.

Tỷ lệ cổ phần: 0,04%

Ông **ĐÌNH QUANG TRI**
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Ngày sinh: 08/5/1959

Trình độ chuyên môn: Ths. Quản trị doanh nghiệp

Kinh nghiệm: Có hơn 35 năm công tác ngành Điện và 15 năm trong công tác Lãnh đạo, điều hành doanh nghiệp trong lĩnh vực Điện.

Tỷ lệ cổ phần: 0%

Bà **PHẠM LIÊN HẢI**
THÀNH VIÊN HĐQT, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 31/12/1974

Trình độ chuyên môn: Ths. Quản trị Tài chính Quốc tế

Kinh nghiệm: Có gần 20 năm công tác trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng Điện và 6 năm trong công tác Lãnh đạo, điều hành Tài chính Công ty.

Tỷ lệ cổ phần: 0,36%



Ông **NGUYỄN MẠNH PHÁT**
THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Ngày sinh: 23/4/1985

Trình độ chuyên môn: Ths. Xây dựng

Kinh nghiệm: Có gần 15 năm công tác trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng Điện và 04 năm trong công tác Lãnh đạo, điều hành Công ty.

Tỷ lệ cổ phần: 0,02%

Ông **NGUYỄN TRỌNG NAM**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 08/11/1965

Trình độ chuyên môn: Ths. Quản trị doanh nghiệp

Kinh nghiệm: Có gần 35 năm công tác trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng Điện và 16 năm trong công tác Lãnh đạo, điều hành Công ty.

Tỷ lệ cổ phần: 0,07%

Ông **NGUYỄN HẢI PHÚ**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 18/9/1974

Trình độ chuyên môn: Ths. Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm: Có hơn 25 năm công tác trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng Điện và 8 năm trong công tác Lãnh đạo, điều hành Công ty.

Tỷ lệ cổ phần: 0,06%

Bà **BUI THỊ NGỌC LÝ**
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh: 09/6/1974

Trình độ chuyên môn: Ths. Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: Có hơn 25 năm công tác trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng Điện và 16 năm trong công tác quản lý tài chính kế toán của Công ty.

Tỷ lệ cổ phần: 0,04%

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà **NGUYỄN HỒNG KHANH**
TRƯỞNG BKS

Ngày sinh: 20/02/1970
Trình độ chuyên môn: Ths. Kinh tế
Năng lượng
Tỷ lệ cổ phần: 0,01%



Bà **TRẦN THỊ VIỆT HÀ**
KIỂM SOÁT VIÊN

Ngày sinh: 14/09/1984
Trình độ chuyên môn: Ths. Kinh tế
Tỷ lệ cổ phần: 0%



Bà **PHẠM THỊ LAN ANH**
KIỂM SOÁT VIÊN

Ngày sinh: 10/05/1969
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Tỷ lệ cổ phần: 0.01%

CÔNG TY LIÊN KẾT



CTCP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CÀ MAU

- **Trụ sở chính**
HG1-23 Khu phố thương mại và Trung tâm thương mại, Phường 1, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- **Lĩnh vực SXKD chính**
Sản xuất kinh doanh điện năng
- **Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2023 (tỷ đồng)**
228,885
- **Tỷ lệ sở hữu: 25%**

CTCP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO SON MỸ

- **Trụ sở chính**
Thôn 1, Xã Sơn Mỹ, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- **Lĩnh vực SXKD chính**
Sản xuất kinh doanh điện năng
- **Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2023 (tỷ đồng)**
87,410
- **Tỷ lệ sở hữu: 25%**

CTCP ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN THÁC BÀ 2

- **Trụ sở chính**
Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- **Lĩnh vực SXKD chính**
Sản xuất kinh doanh điện năng
- **Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2023 (tỷ đồng)**
77,742
- **Tỷ lệ sở hữu: 45%**



02

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

- ②6 Xu hướng chuyển dịch năng lượng tại Việt Nam
- ③0 Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc, đánh giá của HĐQT về hoạt động công ty
- ④6 Tình hình hoạt động trong năm

XU HƯỚNG chuyển dịch năng lượng tại Việt Nam

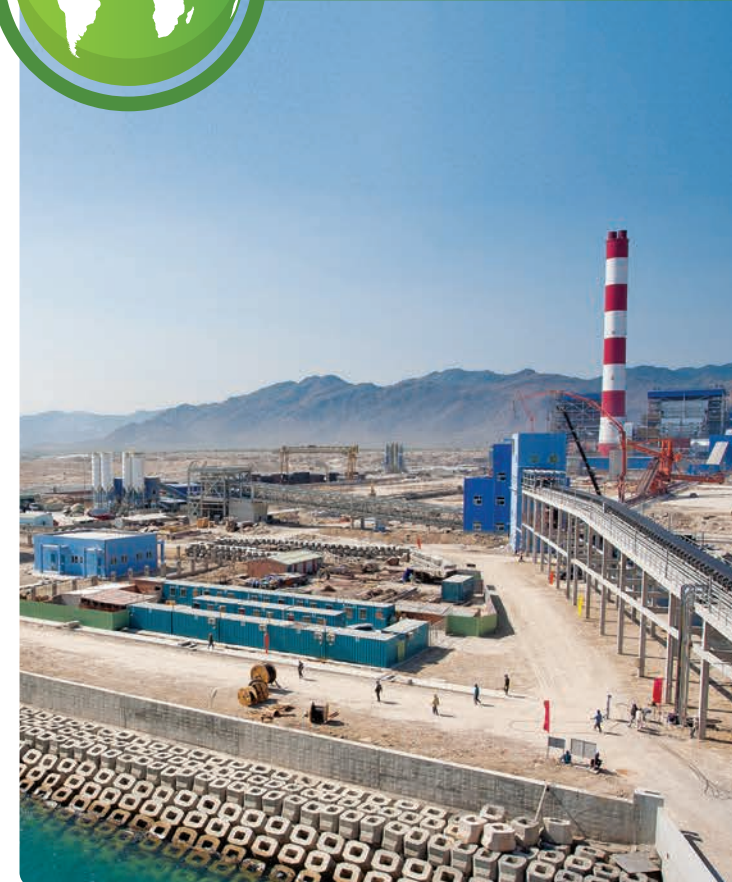
Năm 2023 là năm đánh dấu các mốc lịch sử khi Việt Nam tham gia Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng JETP (tháng 12 năm 2022) và công bố Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện JETP (tháng 12 năm 2023) để Việt Nam dịch chuyển sang nền kinh tế xanh, vừa đảm bảo tăng trưởng kinh tế và phúc lợi xã hội, vừa cùng các nước tiên tiến trên thế giới tiên phong thực hiện các mục tiêu khí hậu. Đây là cơ hội để Việt Nam chứng minh với thế giới về vai trò và đóng góp của Việt Nam, một nước đang phát triển và năng động, tham gia tích cực và chủ động vào giải quyết các vấn đề trọng tâm mang tính toàn cầu.

Ở trong nước, đây là cơ hội để Việt Nam quy hoạch tổng thể ngành năng lượng, quy hoạch các phân ngành dầu khí, than, điện, năng lượng tái tạo và quy hoạch năng lượng nguyên tử có tính bao trùm, toàn diện; xác định rõ bản chất xanh, sạch của các loại hình năng lượng; đánh giá đầy đủ các cơ hội khai thác tiềm năng và đưa ra danh mục năng lượng với tỷ trọng và lộ trình thích hợp, nhằm đảm bảo an ninh năng lượng, giá thành hợp lý và đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Các quy hoạch toàn diện và các hành lang pháp lý, chính sách nhất quán sẽ mở ra môi trường thuận lợi, hấp dẫn để Việt Nam thu hút nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ tài chính, hợp tác về kỹ thuật và công nghệ từ các tổ chức quốc tế và các nước phát triển trên thế giới.



Đứng trước các cơ hội và thách thức nêu trên, Việt Nam cần thực thi đồng bộ các nhóm giải pháp như: Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy chuyển dịch năng lượng; Đổi mới tư duy, nhận thức; Tái cơ cấu và xây dựng ngành năng lượng quốc gia vững mạnh, an ninh và tự chủ; Phát triển khoa học & công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao; Thu hút sự tham gia, đóng góp phát triển của các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy chuyển dịch năng lượng; Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên của đất nước; Tăng cường hợp tác khu vực và hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả; và huy động nguồn lực cần thiết với lộ trình phù hợp, để tạo đà và thúc đẩy bánh xe chuyển dịch năng lượng Việt Nam chuyển động hướng đến mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.



XU HƯỚNG chuyển dịch năng lượng tại Việt Nam

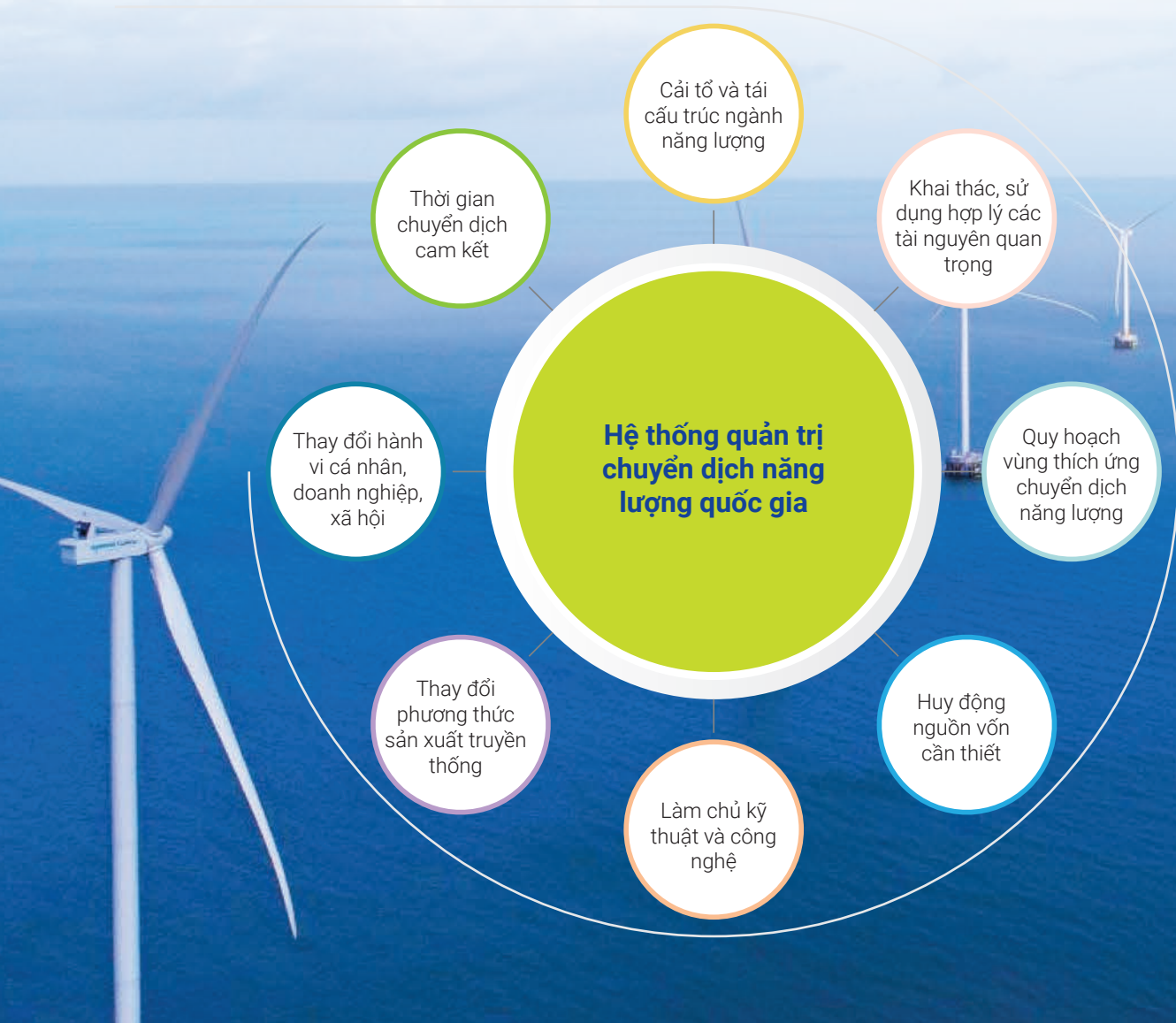
(Tiếp theo)

Với sứ mệnh

**“Đồng hành cùng sự phát triển năng lượng Việt Nam,
vì một hệ thống điện quốc gia thông minh và bền vững”**

PECC2 tiếp tục phát huy năng lực, kinh nghiệm, củng cố và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển bền vững các ngành nghề kinh doanh cốt lõi: tư vấn lập quy hoạch, thiết kế, quản lý dự án; nhà thầu EPC thi công xây dựng các công trình năng lượng; cung cấp dịch vụ quản lý vận hành và bảo trì; và cung cấp dịch vụ ứng dụng các công nghệ số cho các công trình năng lượng.

Các thách thức đối với chuyển dịch năng lượng Việt Nam



PECC2 xác định các nhóm giải pháp chính sau đây để đồng hành cùng quá trình chuyển dịch năng lượng:



Phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng tư duy tốt, có trình độ chuyên môn cao, nắm vững công nghệ, am hiểu chính sách, pháp luật (đặc biệt đối với ngành năng lượng) nhằm mang lại các dịch vụ tư vấn chuyển dịch năng lượng và đầu tư phát triển các công trình điện, công trình năng lượng tái tạo, năng lượng mới có chất lượng cao;



Nghiên cứu đánh giá tiềm năng các loại hình năng lượng tái tạo ở Việt Nam kết hợp với việc nghiên cứu ứng dụng các công nghệ khai thác sử dụng năng lượng, công nghệ phát điện hiệu suất cao, phục vụ cho công tác tư vấn phát triển các công trình năng lượng tái tạo, năng lượng mới;



Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp nâng cao độ tin cậy hệ thống điện trong bối cảnh tỷ trọng năng lượng tái tạo tăng cao; nghiên cứu ứng dụng giải pháp truyền tải điện HVDC vào Việt Nam;



Thúc đẩy nghiên cứu, làm chủ các loại công nghệ lõi, công nghệ cơ bản (phân tích dữ liệu, BIM, AI, mô phỏng, ...), phát triển và cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới trong ngành năng lượng;



Mở rộng hợp tác, tận dụng hỗ trợ của các đối tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ năng lượng tái tạo, công nghệ năng lượng mới;



Nghiên cứu, đóng góp ý kiến xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật, cơ chế chính sách, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật liên quan đến quy hoạch phát triển, thiết kế, đầu tư xây dựng và quản lý vận hành các công trình điện, công trình năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY



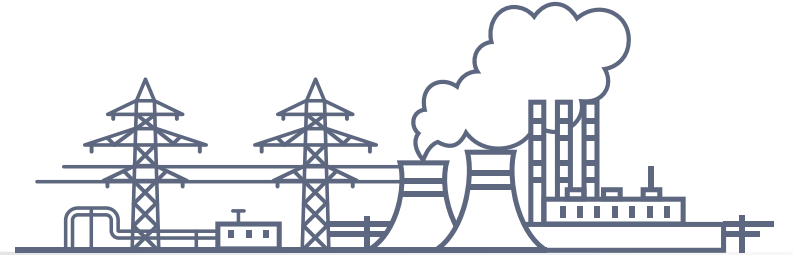
1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023, nền kinh tế toàn cầu vẫn đang hồi phục từ đại dịch COVID-19, nhưng gặp nhiều trở ngại như lạm phát, lãi suất biến động mạnh, bất ổn địa chính trị và thiên tai. Điều này đã thúc đẩy sự thay đổi trong xu hướng đầu tư thương mại toàn cầu, đặc biệt là hướng tới tăng trưởng bền vững. Việt Nam đã cho thấy sức mạnh phục hồi kinh tế khá sớm, nhưng cũng không tránh khỏi những khó khăn chung của tình hình thế giới.

Đối với ngành điện, năm 2023 là năm đặc biệt khó khăn, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào ngày 15/5/2023, nhưng vẫn chưa có kế hoạch thực hiện chi tiết, nên nhiều dự án điện chưa triển khai theo kế hoạch, kết hợp nhiều yếu tố khách quan như El Nino làm nhu cầu điện tăng mạnh, thiếu nước vận hành thủy điện, giá nhiên liệu cao, sự cố bảo dưỡng các NMD,... dẫn đến việc thiếu điện kéo dài gây ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế, môi trường đầu tư, uy tín của ngành.

A HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN

Trong năm qua, công tác khảo sát, tư vấn truyền thống là điểm sáng trong hoạt động



MANG LẠI DOANH THU

>310 TỶ ĐỒNG

ĐÓNG GÓP

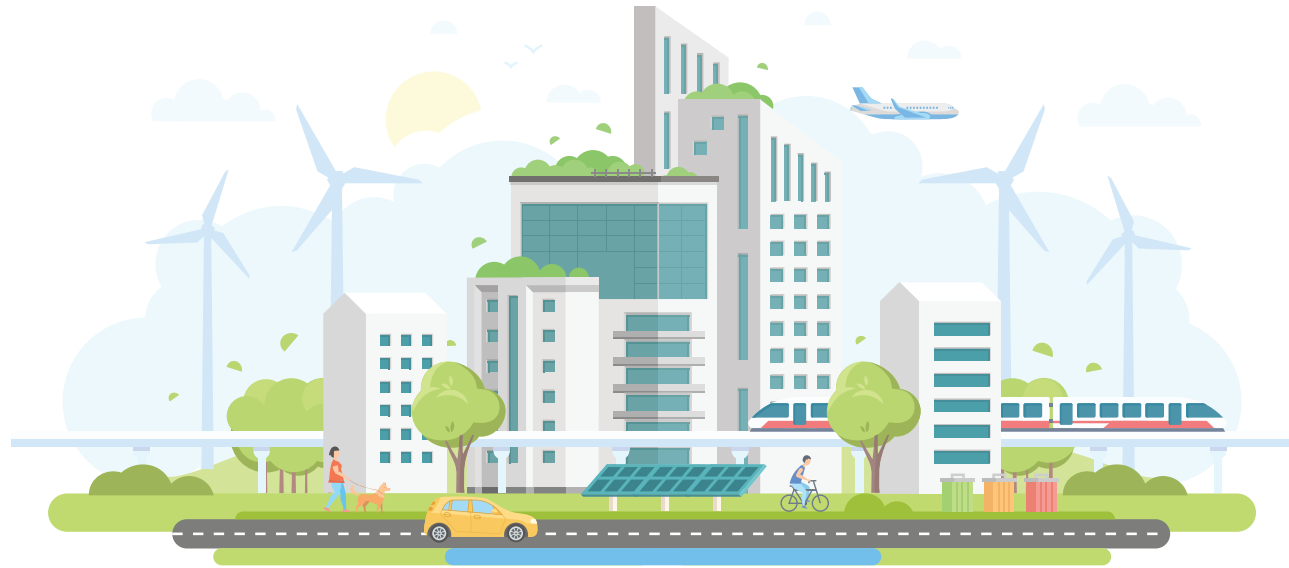
>28,4%

TỔNG DOANH THU TOÀN CÔNG TY,
VƯỢT KẾ HOẠCH NĂM

Tuy không phải là mảng đem lại doanh thu nhiều nhất nhưng đây chính là công việc chính mang lại uy tín và thương hiệu và hình ảnh trong ngành điện cho PECC2. Các dự án điển hình đã thực hiện tư vấn trong năm 2023 như sau:

- Hoàn thành các báo cáo (BSQH, Pre-FS, FS, BCCN) các dự án NMD than/khí/LNG và hạ tầng liên quan: Quảng Trạch II, Quỳnh Lập 1, Sơn Mỹ, Long An I&II, Sông Hậu.
- Hoàn thành các báo cáo (BSQH, Pre-FS, FS, BCCN) cho dự án năng lượng tái tạo, điện rác, điện sinh khối: tại An Đông, IaHlop, Tân Thuận – Giai đoạn 3.
- Thực hiện các công việc PMC Krongbuk-Cư Né / Duyên Hải 2 / Vân Phong 1.
- Hoàn thành công tác Thiết kế bản vẽ thi công, giám sát tác giả, nghiệm thu đóng điện và đưa vào vận hành Cụm các dự án lưới điện 500-220kV đồng bộ NMND BOT Vân Phong 1 (TBA 500kV Vân Phong, ĐD 500kV 500kV đấu nối TBA 500kV Thuận Nam và đường dây 500kV NĐ Vân Phong - NĐ Vĩnh Tân), đáp ứng tiến độ cam kết giữa Chính phủ Việt Nam, EVN và Chủ đầu tư nhà máy, góp phần đảm bảo cung ứng điện cho miền Nam, tạo mối liên kết mạnh giữa hệ thống điện miền Trung và miền Nam, cũng như có ý nghĩa quan trọng trong việc vận hành kinh tế hệ thống điện quốc gia.
- Hoàn thành công tác Thiết kế bản vẽ thi công, giám sát tác giả, nghiệm thu đóng điện và đưa vào vận hành dự án Đường dây 220kV vượt biển dài nhất Đông Nam Á Kiên Bình – Phú Quốc.
- Hoàn thành công tác TKBVTC, GSTG, nghiệm thu đóng điện và đưa vào vận hành một số dự án quan trọng của EVN như: TBA 500kV Vân Phong giải tỏa công suất NMND Vân Phong (đóng điện hoàn chỉnh); Đưa vào vận hành TBA 220kV Krông Ana tham gia vào việc giải tỏa công suất các nguồn năng lượng tái tạo trong khu vực lên hệ thống điện quốc gia; các Đường dây cấp ngầm 220kV Tao Đàn – Tân Cảng, Cát Lái – Tân Cảng góp phần tạo kết nối mạch vòng 220kV cho khu vực trung tâm TP.HCM, tăng cường độ ổn định cung cấp điện, tính linh hoạt trong vận hành của hệ thống lưới điện khu vực và gần 20 dự án khác do PECC2 thực hiện công tác Tư vấn đã được đóng điện vận hành trong năm 2023.
- Tham gia thiết kế trục đường dây 500 kV mạch 3 từ Quảng Trạch (tỉnh Quảng Bình) đến Phố Nối (tỉnh Hưng Yên) có ý nghĩa chính trị to lớn, với tiến độ vô cùng thách thức nhằm phục vụ cung cấp điện ổn định và an toàn cho Miền Bắc trong những năm tới; dự án Cấp điện từ lưới điện quốc gia cho huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với mục tiêu cấp điện ổn định, an toàn cho Côn Đảo để phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng... và một số công trình khác.
- Quản lý dự án và Giám sát xây dựng thủy điện Thác Bà 2; tiếp tục thực hiện hợp đồng tư vấn Dự án Trị An MR.
- Lập báo cáo chuyên ngành phát triển cụm thủy điện Savannakhet (Lào), Thủy điện Xelanong 3 (Lào).

B HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Năm 2023 là một năm khó khăn của mảng kinh doanh do chưa triển khai được phải chờ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch và đấu thầu CĐT, cơ chế giá điện NLTT,... có ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án công ty tham gia tư vấn, các dự án thực hiện tập trung chủ yếu là các dự án năng lượng tái tạo và các hạng mục Trạm biến áp và Đường dây, nổi bật trong năm qua có thể kể đến như sau:

- 1** Biomass Hậu Giang: triển khai kế hoạch mua sắm, ký kết các hợp đồng giao thầu theo tiến độ yêu cầu của hợp đồng EPC.
- 2** Điện gió Tân Thuận: Sửa chữa các sai sót trong giai đoạn bảo hành và thực hiện quyết toán với Chủ đầu tư và các nhà thầu phụ.
- 3** Nhiệt điện Vân Phong 1: Giao hàng đúng tiến độ và phối hợp với Chủ đầu tư để đóng điện, và đưa các tổ máy vào vận hành thương mại đúng hạn.
- 4** Hỗ trợ chủ đầu tư thương thảo giá điện chuyển tiếp dự án Đường dây 110kV đấu nối nhà máy Điện gió Phong Điện 1 – Bình Thuận giai đoạn 2.
- 5** Thực hiện bảo hành và quyết toán với Chủ đầu tư dự án Điện gió Chính Thắng, Nhiệt điện Duyên Hải 2.
- 6** Hỗ trợ chủ đầu tư trong dự án Mở rộng ngăn lộ Ninh Phước.
- 7** Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với các dự án EPC đã hoàn thành trong năm 2022 và 2023.
- 8** Hoàn thành các hạng mục của dự án nhà máy điện sinh khối Hậu Giang (Gói chuẩn bị công trường, gói san gạt, kết cấu nhà Boiler, Turbin...); Dự án xuất khẩu TCE (Đoài Loan); Dự án Masinloc 4 (Philippine).
- 9** Cung cấp dịch vụ Vận hành và bảo trì an toàn, liên tục cho 20 Nhà máy điện mặt trời (NMĐMT), 39 dự án điện mặt trời áp mái, 08 Nhà máy điện gió (NMĐG) và 03 Nhà máy nhiệt điện than (NMNĐ); hoàn thành các thủ tục liên quan kết nối và điều khiển NMĐG Tân Thuận về Trung tâm điều khiển xa PECC2-OCC.
- 10** Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật khác như: dịch vụ thí nghiệm bảo trì cho các dự án NMĐMT và điện gió, dịch vụ đánh giá kỹ thuật NMĐMT, dịch vụ sửa chữa inverter hãng Huawei cho các dự án ĐMT áp mái, dịch vụ sửa chữa relay, camera và các bộ nguồn cấp cho các thiết bị tại nhà máy điện, dịch vụ sửa chữa các tấm pin bị hư hỏng do sét đánh, pin thấp áp do hỏng Diode cho các dự án NMĐMT, thực hiện công tác đo hiệu suất (PR test) cho các NMĐMT, dịch vụ cung cấp spare parts, các thiết bị trung và cao thế cho NMĐMT.

B HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



Trong năm 2023, theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, mảng đầu tư chủ yếu tập trung phát triển các dự án năng lượng tái tạo, thủy điện và điện sinh khối đã được EVN phê duyệt chủ trương. Theo đó, công tác đầu tư cũng đã đạt được một số kết quả nhất định, cụ thể:



- 1.** Nhà máy thủy điện Thác Bà 2: hỗ trợ chủ đầu tư thực hiện công tác DB-GPMB: (i) Địa phận tỉnh Yên Bái đạt 90%; (i) Địa phận tỉnh Tuyên Quang đạt 93%, hỗ trợ Chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu còn lại.
- 2.** Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang: Hoàn thành công tác đền bù giải phóng mặt bằng của dự án, Hỗ trợ các thủ tục pháp lý khác của dự án, Phối hợp với Chủ đầu tư quản lý dự án.
- 3.** Dự án điện sinh khối Trà Vinh: Hoàn thành thủ tục phê duyệt Quy hoạch 1/500, hoàn thành thủ tục Thỏa thuận đầu nối, Phối hợp thực hiện triển khai các thủ tục lập, trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo chuyên ngành của dự án.
- 4.** Cùng với Chủ đầu tư phát triển tiếp tục các dự án: Dự án sinh khối tại An Giang (DA Núi Tô I & DA Núi Tô II), ĐG Tân Thuận GD 3 , ĐG An Đông 1.
- 5.** Tiếp tục phát triển các dự án: Biomass tại Cà Mau (24MW); Điện rác tại Cà Mau (6MW); ĐG – ĐMT sản xuất Hydro xanh tại Cà Mau.

2

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Bên cạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, PECC2 luôn chú trọng đến công tác hoàn thiện tổ chức bộ máy, chính sách, quản lý, xem đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, định hướng chiến lược của Công ty. Trong năm 2023, PECC2 tiếp tục ban hành các chính sách, định hướng trong tổ chức lại bộ máy, thành lập mới các Đơn vị và hoàn thiện cơ chế chính sách, cụ thể như sau:

- Hoàn thiện các quy trình quản lý nội bộ, cải tiến các quy trình quản trị doanh nghiệp không còn phù hợp, từng bước số hóa và tích hợp với nền tảng số PECC2. Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng giải pháp ERP (Enterprise Resource Planning) vào hoạt động quản lý của doanh nghiệp để xây dựng hệ thống quản trị sản xuất kinh doanh hợp nhất;
- Xây dựng Đề án Kế hoạch chiến lược phát triển và tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2021 – 2025, định hướng 2030 trình EVN;
- Xây dựng Đề án thành lập 03 Công ty TNHH MTV trên cơ sở chuyển đổi 03 Chi nhánh trực thuộc PECC2;
- Thành lập mới Văn phòng Đảng ủy – Công đoàn Công ty;
- Tái lập Phòng Quản lý Dự án trực thuộc Chi nhánh Cơ Điện;
- Thành lập mới Ban Tổng hợp trực thuộc HĐQT Công ty;
- Thay đổi tên và nhãn hiệu 03 Chi nhánh;
- Đã xây dựng và ban hành các Quy định, quy chế nội bộ như: Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty, Quy định về chế độ nghỉ Công ty, Quy định xây dựng đơn giá tiền lương, kế hoạch quỹ tiền lương, tiền thưởng và quyết toán quỹ thực hiện hàng năm...



3

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Tiếp tục phát huy các kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong những năm qua, đánh giá chiến lược phát triển của trong những năm tới của Công ty, năm 2024 nhận định là năm mang tính quyết định trong việc hình thành nên bức tranh phương hướng phát triển giai đoạn 2021-2025 hướng đến 2030, Công ty xác định mục tiêu chính như sau:

- 1 Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt các chỉ tiêu về doanh thu và tài chính do ĐHCĐ giao.
- 2 Hỗ trợ giải trình và thúc đẩy để dự án NMD Sông Hậu 2 được triển khai thực hiện theo kế hoạch.
- 3 Vận hành TM tổ máy 1 NMD Biomass Hậu Giang và NMTĐ Thác Bà 2.
- 4 Chuyển đổi ít nhất 01 Chi nhánh thành Công ty với pháp nhân độc lập.
- 5 Nâng mức thu nhập bình quân của người lao động cao hơn mức thực hiện năm 2023.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

(Tiếp theo)

Để đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu kế hoạch trên cũng không phải là nhiệm vụ dễ dàng trong điều kiện nền kinh tế nhiều khó khăn, Chúng ta cần linh hoạt, tái cấu trúc hoạt động, phân bổ nguồn lực hợp lý để duy trì hoạt động, phòng tránh rủi ro, đảm bảo giữ vững phương hướng ổn định và sẵn sàng tận dụng triệt để các cơ hội:

3.1. Tập trung vào dự án trọng điểm, nghiên cứu phân tích thị trường, tìm kiếm dự án mới

- Tập trung vào các dự án trọng điểm: hoàn thành đóng điện vận hành nhà máy điện Biomass Hậu Giang và nhà máy thủy điện Thác Bà 2. Triển khai thực hiện dự án Sông Hậu 2, chuẩn bị các phương án về vấn đề nhân sự, xây dựng hệ thống, quản lý tài chính.
- Bám sát Quy hoạch điện và các kế hoạch triển khai tại các địa phương. Chủ động nghiên cứu, tư vấn cho EVN về tiềm năng phát triển các dự án năng lượng mới để tạo nguồn công việc chủ động, đặc biệt là các công việc mà Công ty đã được EVN giao: Chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy chạy than, khí sang nhiên liệu điện sinh khối, amoniac, hydro, đốt phối trộn hoặc áp dụng CCUS, giải pháp giảm công suất ổn định tối thiểu không kèm đầu của các NMNĐ; Các công nghệ lưới điện thông minh, ứng dụng các nguồn điện lưu trữ, thủy điện tích năng, hệ thống pin lưu trữ năng lượng (BESS).
- Theo dõi quá trình thực hiện Đề án triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (Tuyên bố JETP) để tiếp cận các đối tác và khách hàng.
- Đẩy mạnh tìm kiếm các công việc và khai thác các thị trường mới, đặc biệt là các thị trường nước ngoài có nhu cầu phát triển ngành điện, với các thị trường tiềm năng như Úc, Lào, Malaysia, Singapore... Tận dụng các cơ hội từ sự hội nhập quốc tế của Việt Nam, như tham gia các hiệp định thương mại tự do, các chương trình hợp tác khu vực và toàn cầu, để tiếp cận và trọng tâm tham gia các dự án tư vấn xây dựng điện tại các nước láng giềng hoặc các nước đang phát triển. Nghiên cứu và thích ứng với các quy định, tiêu chuẩn, văn hóa và thị hiếu của các thị trường mới, để đáp ứng được yêu cầu và mong muốn của khách hàng.
- Tiếp tục phát triển mảng truyền thông xã hội (social media), làm mới hình ảnh/infographic lõi cuốn nhưng ngắn gọn thể hiện năng lực và kinh nghiệm vượt trội của PECC2, liên kết và tập trung vào các giá trị khác biệt PECC2 mang lại cho khách hàng. Tích cực tham gia các hội nghị về ngành năng lượng trong và ngoài nước với những báo cáo thuyết trình mang lại giá trị cho cộng đồng.



3.2. Phát triển nguồn lực, nâng cao hiệu quả công việc và tăng năng suất làm việc của người lao động

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ cấp cao và cấp trung, chuẩn bị nguồn nhân lực chủ chốt để kế thừa và phát triển bền vững theo các lĩnh vực chiến lược của Công ty.

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tạo động lực cho NLĐ phát huy khả năng làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, hết lòng phục vụ khách hàng với chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Công tác đào tạo chú trọng hơn vào đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu và giải quyết những điểm yếu của đội ngũ nhân sự hiện có, đa dạng các loại hình đào tạo, tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo trên nền tảng e-learning. Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, đặc biệt là các công ty tư vấn xây dựng điện trên thế giới có uy tín và có kinh nghiệm, để học hỏi, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm, cũng như mở rộng thị trường và xây dựng uy tín thương hiệu.

Tiếp tục vận dụng các hình thức hoạt động để nâng cao tầm nhận thức cho NLĐ về giá trị Văn hóa PECC2. Đẩy mạnh hoạt động văn hóa doanh nghiệp có hiệu quả. Phối hợp các tổ chức đoàn thể triển khai các phong trào thi đua hướng đến kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty.

Vận dụng tối đa yếu tố công nghệ vào từng khâu trong công tác quản lý, quy trình làm việc để hạn chế các sai sót, đảm bảo quy trình làm việc, nâng cao năng suất lao động của từng người lao động.

Tạo điều kiện cho người lao động phát huy tính sáng tạo, tự duy cải tiến liên tục, nâng cao ý thức chủ động trong công việc. Cải thiện môi trường làm việc, môi trường kinh doanh sản xuất, cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (Tiếp theo)

3.3. Phát triển chiến lược hợp tác kinh doanh và đầu tư

- Rà soát Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và Quy hoạch chung của Tỉnh được phê duyệt để nghiên cứu phương pháp xây dựng quy hoạch nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án.
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các dự án kêu gọi đầu tư từ các tỉnh thành có mối quan hệ để tiếp cận các dự án đang được kêu gọi đầu tư.
- Làm việc với các đối tác trong và ngoài nước tìm kiếm khả năng hợp tác phát triển các dự án năng lượng tái tạo, Dự án điện sinh khối.

3.4. Phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp của Công ty phù hợp với tình hình công việc mới

- Đưa văn hóa doanh nghiệp công ty trên hệ giá trị cốt lõi “Tinh thần phụng sự -Đam mê nghề nghiệp – Đổi mới sáng tạo” đi vào tất cả các hạng mục trong hệ thống quản trị công ty.
- Thúc đẩy hoàn thiện và phê duyệt đề án xây dựng chiến lược và tái cấu trúc PECC2 giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến 2030; Chuyển đổi các Chi nhánh thành Công ty sau khi có quyết định từ EVN.
- Đẩy mạnh công tác cơ cấu tại các Đơn vị theo hướng tin gọn, hiệu quả và giảm khâu trung gian. Hoàn thiện các quy trình quản lý nội bộ, cải tiến các quy trình quản trị doanh nghiệp không còn phù hợp, từng bước số hóa và tích hợp với nền tảng số PECC2. Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng giải pháp ERP vào hoạt động quản lý của doanh nghiệp để xây dựng hệ thống quản trị sản xuất kinh doanh hợp nhất.
- Tiếp tục trao quyền cho người đứng đầu đơn vị để tăng tính chủ động xử lý các vấn đề khi có phát sinh trong thẩm quyền, hạn chế chuyển tất cả sự vụ lên trên gây áp lực cho các cấp điều hành. Nâng cao vai trò xây dựng đội nhóm làm việc hiệu quả với khả năng tương hỗ, gắn kết chứ không chỉ là những cá nhân làm việc độc lập.
- Triển khai thực hiện hiệu quả QC quản trị rủi ro từ cấp Công ty đến các đơn vị.

3.5. Tiếp tục thực hiện tối ưu hoá chi phí và tiết kiệm hiệu quả

Dự đoán nền kinh tế còn gặp rất nhiều khó khăn, do đó việc nâng cao công tác quản lý chi phí và dòng tiền, thực hiện tiết kiệm, tránh lãng phí là việc cần thiết để đảm bảo hoạt động ổn định của Công ty trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

Xây dựng kế hoạch dự phòng để đối phó với các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án trọng điểm, từ thay đổi chính sách đến vấn đề kỹ thuật. Kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu tư ngay từ khâu chuẩn bị, triển khai của từng dự án. Cân bằng chi phí nghiên cứu và phát triển với tiềm năng mang lại. Xây dựng chương trình quản lý chi phí tập trung của toàn Công ty.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các định mức chi phí. Tối ưu hóa chi phí hoạt động thường xuyên để giảm chi phí nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác. Chi phí phải đồng bộ với hiệu suất kinh doanh, hiệu quả công việc. Thực hiện tiết kiệm và tránh lãng phí tại toàn Công ty.

Tăng cường kiểm soát dòng tiền: Công ty, các Trung tâm và Chi nhánh lập kế hoạch dòng tiền để theo dõi, kiểm tra dòng tiền định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm, sử dụng có hiệu quả dòng tiền trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của từng đơn vị.



4

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ban lãnh đạo của PECC2 luôn chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực, vì đây có thể được xem là chìa khóa mang đến thành công cho Công ty. Với mục tiêu trở thành Doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn ngành điện tại Việt Nam, PECC2 đã và đang đổi mới, triển khai nhiều giải pháp giúp ổn định và phát triển nguồn nhân lực.



Trong năm 2023, PECC2 đã thực hiện rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức các đơn vị trong Công ty nhằm tăng cường tính chuyên môn hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động gắn với định hướng chiến lược phát triển của Công ty.



Ngoài ra, công tác tuyển dụng cũng được công ty đặc biệt chú trọng bởi đây chính là giải pháp giúp kiểm soát chất lượng nhân sự từ đầu vào, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Với chính sách tuyển dụng nghiêm túc và chuyên nghiệp, PECC2 đã thu hút được lượng ứng viên lớn, các nhân viên được bố trí công việc phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm, được đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định.



Thường xuyên rà soát, hoàn thiện các hệ thống văn bản quy định nội bộ về tổ chức nhân sự, cập nhật các quy định pháp luật mới nhất để mang lại hiệu quả tích cực trong việc thu hút, duy trì, quản lý và sử dụng cán bộ.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến đầy biến động và khó lường, tốc độ tăng trưởng toàn cầu suy giảm, xung đột địa chính trị kéo theo các trừng phạt kinh tế lẫn nhau, vấn đề môi trường diễn biến phức tạp với nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan. Trong lĩnh vực năng lượng, thế giới bước vào cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu với sự đứt gãy các chuỗi cung ứng nhiên liệu truyền thống, giá nhiên liệu biến động và tăng cao. Kế hoạch thực hiện Quy hoạch Điện VIII vẫn đang được xem xét và cơ chế giá điện NLTT mới chưa ban hành cũng tác động đến phát triển dự án của các nhà đầu tư do đó ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

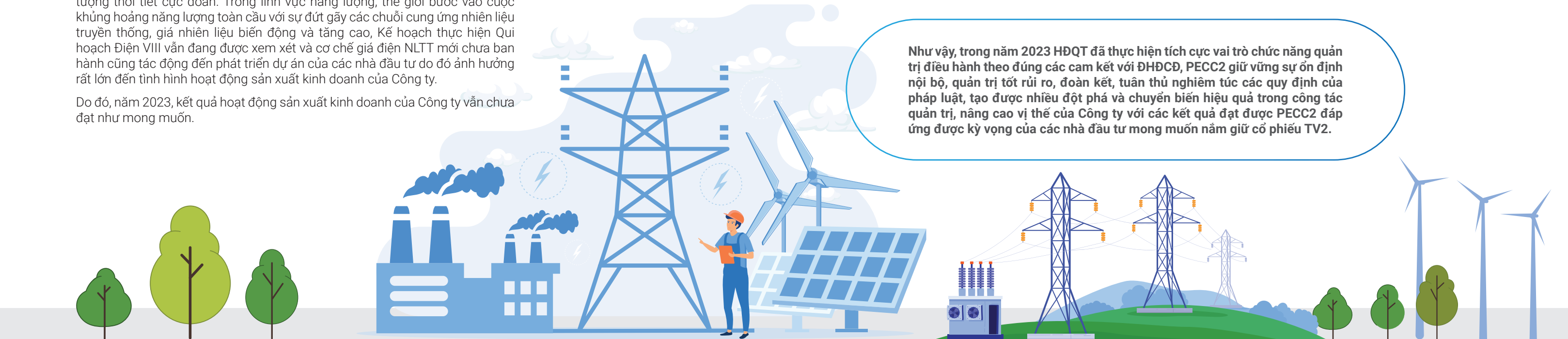
Do đó, năm 2023, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn chưa đạt như mong muốn.

B. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG VIỆC ĐẢM BẢO LỢI ÍCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên HĐQT cũng đã có những nỗ lực chỉ đạo thực hiện một số nội dung chính như sau:

TIÊU CHÍ	KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2023
Quyền của Cổ đông	PECC2 đã thực hiện chi trả đầy đủ cổ tức cho cổ đông căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023 thông qua bao gồm: - Chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu. - Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 23/06/2023 và đảm bảo quyền lợi và lợi ích cổ đông PECC2.
Đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư	Chấp hành nghiêm túc các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP HCM đối với công ty niêm yết, thực hiện báo cáo và công bố thông tin đúng theo các quy định của Pháp luật hiện hành để đảm bảo tất cả các cổ đông đều có quyền tiếp cận các thông tin đã được công bố.
Nâng cao năng lực quản trị của Công ty	Hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, thường xuyên rà soát chỉnh sửa, bổ sung và ban hành các Quy chế quản trị nội bộ, các quy trình, quy chế phục vụ công tác quản lý, điều hành của Công ty đảm bảo sự hoạt động hiệu quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ các quy định của pháp luật. Năm 2023, PECC2 đã được trao giải cho các doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt trội tại Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm 2023.
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Tuy hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng HĐQT cũng đã nỗ lực đồng hành cùng Công ty để đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi.

Như vậy, trong năm 2023 HĐQT đã thực hiện tích cực vai trò chức năng quản trị điều hành theo đúng các cam kết với ĐHĐCĐ, PECC2 giữ vững sự ổn định nội bộ, quản trị tốt rủi ro, đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, tạo được nhiều đột phá và chuyển biến hiệu quả trong công tác quản trị, nâng cao vị thế của Công ty với các kết quả đạt được PECC2 đáp ứng được kỳ vọng của các nhà đầu tư mong muốn nắm giữ cổ phiếu TV2.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Việc giám sát hoạt động của TGD và BĐH đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế và các quy định khác, cụ thể như sau:



HĐQT cùng tham gia các cuộc họp giao ban tháng, quý, năm cùng TGD và BĐH để nắm bắt tình hình và có hướng chỉ đạo, tháo gỡ các khó khăn (nếu có) kịp thời nhằm đạt các mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao.



Thường xuyên yêu cầu BĐH rà soát, báo cáo kịp thời tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của HĐQT.



Phối hợp với công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát để theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của Công ty để có thể đưa ra các quyết sách kịp thời, hạn chế rủi ro.

Nhìn chung, HĐQT cho rằng BĐH đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT trong nhiệm vụ quản lý, điều hành năm 2022 trong bối cảnh hết sức khó khăn.



3. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

Ngoài việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ và các quy chế, quy định của pháp luật, nội bộ khác thì trong năm 2024, HĐQT đề ra các mục tiêu và định hướng hoạt động như sau:

1

Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đúng thời gian, tiến độ và triển khai các nội dung NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

2

Tổ chức thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2024.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SẢN XUẤT



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH:

STT	Nội dung	Năm 2022	Tỷ lệ % Năm 2023 so 2022	Năm 2023		Tỷ lệ % so KH
				Kế hoạch	Thực hiện	
1.	Tổng Doanh thu	1.373	79,54%	1.363,6	1.092,1	80,08%
2.	Lợi nhuận trước thuế	63,36	122,80%	64,1	65,0	101,40%

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Đứng trước xu hướng chuyển dịch năng lượng, việc suy giảm doanh thu trong ngắn hạn là điều khó tránh khỏi. Tổng doanh thu năm 2023 giảm so với doanh thu năm 2022 (1.373 tỷ đồng) nhưng đây là kết quả đáng khích lệ trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, so với kế hoạch năm 2023, thực hiện doanh thu và lợi nhuận đạt 80,08% và 101,4%.

Nguyên nhân của sự suy giảm này chủ yếu từ yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, tình hình thế giới biến động rất nhanh, phức tạp, chưa có tiền lệ. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột quân sự nhiều nơi kéo dài; lạm phát thế giới tăng cao, xu hướng tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ, tài khóa và ảnh hưởng của đại dịch dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; rủi ro tài chính, tiền tệ, mất an ninh năng lượng, lương thực đang hiện hữu... Ở trong nước, áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, một trong những ngành bị tác động nhiều nhất là ngành năng lượng. Ngoài các nguyên nhân trên, còn do một số tồn tại, khó khăn khác cụ thể như sau:



1. Tìm kiếm việc làm và Phát triển thị trường

Quy hoạch Điện VIII được duyệt khác với các Quy hoạch trước đó về cấu trúc và cách thức nên sau khi phê duyệt vẫn chưa triển khai được phải chờ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch và đấu thầu CĐT, cơ chế giá điện NLTT,...có ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án công ty tham gia tư vấn. Hướng dẫn thực hiện cơ chế giá điện mới cho dự án điện gió, điện mặt trời nổi lưới/không nổi lưới chưa ban hành cùng cơ chế chính sách xử lý các dự án đang vướng mắc về thủ tục... làm hạn chế khả năng tìm việc.

Việc phát triển thị trường kinh doanh ở nước ngoài vẫn chưa đạt kết quả khả quan, hiện chỉ mới thực hiện ở dịch vụ tư vấn tại thị trường Lào với nhiều khó khăn về thủ tục và qui định sở tại nhất là công tác khảo sát.



2. Trong công tác quản lý, phát triển nguồn lực

Nguồn nhân lực hiện nay đang xu hướng già đi, chuyên môn ở một số bộ phận thiếu sự đồng đều, khả năng ngoại ngữ còn yếu gây khó khăn cho việc hội nhập các thị trường mới.

Đối với lĩnh vực EPC đòi hỏi nhân sự ngoài kinh nghiệm quản lý dự án còn phải thông hiểu các thông lệ Quốc tế cũng như tính chất đặc thù của từng công việc triển khai ở dự án, đây là thách thức khó khăn đối với nhân sự trẻ nên cần có chiến lược đào tạo Coaching.

Quy mô hiện tại của Công ty phát triển ở cả bề rộng lẫn chiều sâu, tuy nhiên nhiều cơ chế chính sách vẫn chưa theo kịp, đề án tái cấu trúc vẫn chờ được phê duyệt dẫn đến nhiều nguồn lực của Công ty chưa thể phát huy hết tiềm năng, công tác xây dựng hệ thống quản trị kết hợp với công nghệ số vẫn chậm so với kỳ vọng.





3. Trong công tác Tư vấn thiết kế xây dựng điện

Dịch vụ tư vấn đối với năng lượng truyền thống sẽ ngày càng thu hẹp nhưng khả năng thích ứng và đầu tư nghiên cứu công nghệ mới tại một số Đơn vị còn chậm hoặc chưa thoả mãn được khách hàng và xu hướng phát triển của công nghệ.

Đối với các dự án Tư vấn giám sát xây dựng: hầu hết các dự án Trạm và Đường dây đang thực hiện thường xuyên bị chậm tiến độ do vướng công tác đền bù, giải phóng mặt bằng dẫn đến công tác TVGS bị kéo dài.

Đối với các dự án nguồn vốn tư nhân, dịch vụ tư vấn thường chỉ cạnh tranh về giá ít có đánh giá xếp hạng năng lực.



4. Trong hoạt động đầu tư



Kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể và tại các địa phương vẫn chưa được phê duyệt nên ảnh hưởng đến kế hoạch triển khai của một số dự án dự kiến đầu tư của Công ty.

Chủ trương của EVN cho PECC2 góp vốn trong các dự án đầu tư với tỷ lệ nhỏ (không nắm quyền chi phối) nên gặp khó khăn nhất định trong việc tìm kiếm các đối tác có năng lực và kinh nghiệm tham gia hợp tác.

Biomass đòi hỏi nguồn nhiên liệu đảm bảo, phụ thuộc vào nhà cung cấp nhiên liệu, chưa chủ động trong nguồn nhiên liệu.

Cơ chế giá bán điện ưu đãi cho các dự án điện gió đã hết hiệu lực, phải chờ cơ chế giá bán điện mới để thực hiện các dự án đầu tư tiếp theo.

Công tác GPMB tại các dự án phức tạp và khó khăn, dẫn đến tiến độ bị chậm so với dự kiến.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (Tiếp theo)

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổng số lao động toàn Công ty
đến ngày 31/12/2023 là

1.203
người

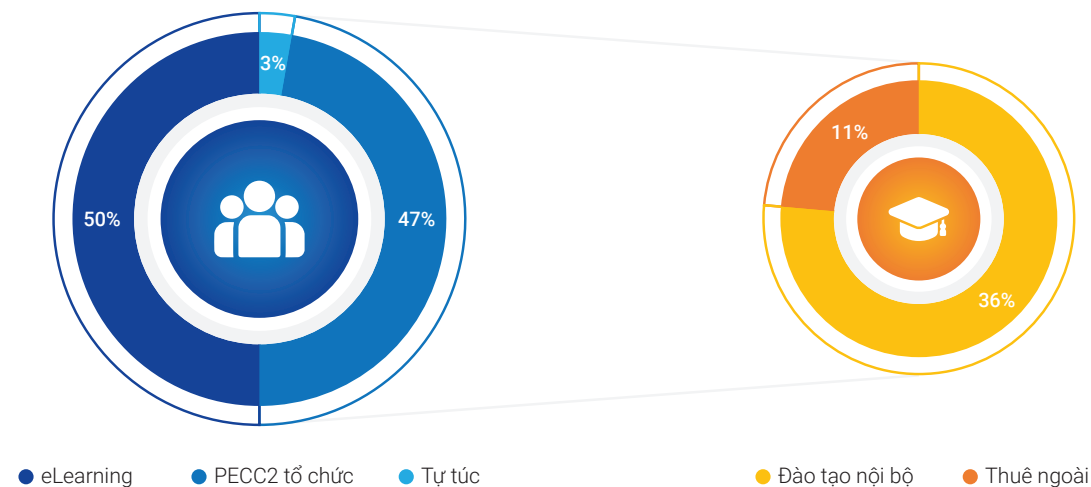
Hằng năm, PECC2 thường xuyên quan tâm, chỉ đạo các Đơn vị chức năng Thực hiện các chế độ BHXH, chế độ chính sách khác cho NLĐ theo quy định: nghỉ phép năm, ốm đau, thai sản, dưỡng sức, lập sổ, chốt sổ BHXH, trợ cấp thôi việc, mất việc làm, hưu trí, tử tuất. Bên cạnh đó, việc đảm sức khỏe cho NLĐ và người thân của NLĐ là yêu cầu được đặt lên hàng đầu. Với việc việc ký kết hợp đồng bảo hiểm sức khỏe cho NLĐ và người thân của NLĐ với các đối tác trong và ngoài nước luôn được PECC2 quan tâm và thực hiện. Nhằm thay đổi và nâng cao chất lượng chính sách khám, chữa bệnh cho NLĐ, năm 2023 PECC2 đã thực ký kết Hợp đồng khám chữa bệnh với PVI (Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam).

Các chính sách về Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho NLĐ luôn được PECC2 chú trọng và thường xuyên tổ chức, cụ thể:

- PECC2 đẩy mạnh hình thức học trực tuyến thông qua khai thác nhiều khóa học hay trên nền tảng trực tuyến như Coursera, PECC2 eLearning và EVN eLearning.... Đặc biệt trong năm 2023, PECC2 đã phối hợp với đối tác thực hiện số hóa Sổ tay Văn hóa PECC2 và Sổ tay Chuyển đổi số PECC2 để đưa vào hệ thống PECC2 eLearning cho nhân sự chủ động học tập.



Tỉ lệ nhân sự tham gia các hình thức học tập



28 Khóa đào tạo
nội bộ

- Tiếp tục triển khai công tác đào tạo nội bộ, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức và chuyên môn trong thực tiễn thực hiện công việc tại PECC2. Năm 2023, các đơn vị đã tổ chức 28 khóa đào tạo nội bộ, thu hút 822 lượt nhân sự tham gia.
- Thúc đẩy công tác đào tạo văn hóa doanh nghiệp thông qua nhiều hình thức: khóa học về nhận thức, kỹ năng giao tiếp cho nhân sự, tổ chức các khóa đào tạo nội bộ, học tập trực tuyến, các buổi tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề về chủ đề văn hóa doanh nghiệp, các cuộc thi và phong trào thi áp dụng hiệu quả văn hóa PECC2 cấp đơn vị và cấp công ty.
- Tổ chức các khóa đào tạo về năng lực số, ứng dụng các công nghệ số, phần mềm vào công tác chuyên môn tại các đơn vị.

1

Tổ chức đào tạo nội bộ về Machine Learning cho kỹ sư các đơn vị quan tâm.

2

Tổ chức đào tạo nội bộ kết hợp với khóa học trực tuyến về An toàn thông tin.

3

Cử học viên theo học các khóa bên ngoài công ty tổ chức và cấp chứng chỉ: BIM Coordinator, Certified Ethical Hacker version 12.

4

Số hóa Sổ tay Chuyển đổi số PECC2 thành các khóa học online và upload hệ thống PECC2 eLearning cho nhân sự tham gia học tập.



822 Lượt nhân sự
tham gia



- Duy trì tổ chức đào tạo, cử nhân sự tham gia đào tạo cấp chứng chỉ phục vụ chuyên môn như: đấu thầu, hợp đồng, An toàn vệ sinh lao động.... Đặc biệt, năm 2023 PECC2 phối hợp với Học viện Quản lý PACE tổ chức chương trình Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý cấp trung (MMM) cho 33 nhân sự quản lý cấp trung của các đơn vị.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM *(Tiếp theo)*

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư lớn/ Tình hình thực hiện các dự án lớn:



NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN THÁC BÀ 2

Khởi công ngày 15/10/2022, đã hoàn thành các hạng mục xây dựng của giai đoạn 01. Dự kiến COD vào cuối năm 2024.



NHÀ MÁY ĐIỆN SINH KHỐI HẬU GIANG

Dự án đã khởi công xây dựng ngày 15/12/2022, đến nay nhà thầu EPC đã hoàn thành thi công đóng cọc và xây dựng các hạng mục trong nhà máy. Dự kiến COD vào Quý I/2025.



NHÀ MÁY ĐIỆN SINH KHỐI TRÀ VINH

Dự án đã được UBND tỉnh Trà Vinh chấp thuận chủ trương đầu tư ngày 04/10/2022. Hiện nay đang thực hiện các thủ tục pháp lý của dự án để đủ điều kiện khởi công.

2. Công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên kết)



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO SƠN MỸ (SSC)



NĂM 2023, SẢN LƯỢNG ĐIỆN
THƯƠNG MẠI ĐẠT

72,35 triệu kWh

DOANH THU ĐẠT

161,05
tỷ đồng

HOÀN THÀNH

99,34%
kế hoạch



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO CÀ MAU (CMC)



NĂM 2023, SẢN LƯỢNG ĐIỆN
THƯƠNG MẠI ĐẠT

184,24 triệu kWh

DOANH THU ĐẠT

440,84
tỷ đồng

HOÀN THÀNH

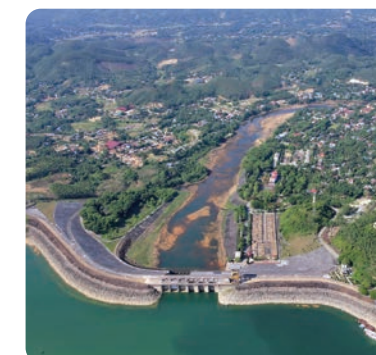
88,40%
kế hoạch

TBC2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THỦY ĐIỆN THÁC BÀ 2



Công ty đang trong quá trình thi công xây dựng dự án Thủy điện Thác Bà 2 nên chưa giao chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (Tiếp theo)

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022 (VND)	Năm 2023 (VND)	Năm 2022 (USD) (23.545) (tỉ giá 31.12.22)	Năm 2023 (USD) (24.260) (tỉ giá 31.12.23)	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản Total Asset	2.988.754.675.229	2.461.045.530.310	126.937.977,29	101.444.580,80	-17,7%
Doanh thu thuần Net Revenue	1.322.050.620.541	1.061.339.545.659	56.149.952,03	43.748.538,57	-19,7%
Lợi nhuận từ HĐKD Profit from business activities	46.561.916.149	64.041.578.414	1.997.571,30	2.639.801,25	37,5%
Lợi nhuận khác Other profit	16.784.473.645	1.465.787.068	712.867,85	60.419,91	-91,3%
Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	63.346.389.794	65.507.365.482	2.690.439,15	2.700.221,17	3,41%
Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	52.886.514.290	53.146.020.662	2.246.188,76	2.190.685,11	0,49%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức Payout ratio					

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2022	2023	% Tăng giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,31	1,48	13%
Hệ số thanh toán nhanh	1,26	1,41	11,9%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ Capital Structure Ratio			
Hệ số Nợ/ Tổng TS	0,55	0,46	-16,4%
Hệ số Nợ/ VCSH	1,20	0,85	-29,2%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
Vòng quay hàng tồn kho	5,91	10,90	84,4%
Vòng quay tổng Tài sản	0,35	0,39	11,4%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	4%	5%	25%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ VCSH	3,9%	4%	2,6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	1,8%	2,1%	16,7%
Hệ số Lợi nhuận từ hđ KD/ Doanh thu thuần	3,52%	6,03%	71,3%

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần : 67.526.165 cổ phần
Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 1.789.194 cổ phần
(thời gian hạn chế chuyển nhượng là 05 năm kể từ ngày 01/7/2020 theo Quy chế quản lý và phân phối cổ phiếu thưởng cho người lao động Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 684/QĐ-PECC2 ngày 16/6/2020 của Hội đồng quản trị)

2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phần đang lưu hành là 67.526.165 cổ phần được nắm giữ bởi các thành phần cổ đông như bảng sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	32.867.109	51,33
Các cổ đông thể nhân khác	32.867.109	48,67
Tổng cộng	67.526.165	100

Phân loại theo cổ đông trong nước & nước ngoài

Chỉ tiêu	Trong nước (CP)	Nước ngoài (CP)	Tổng số (CP)
Tổ chức	36.953.776	7.141.387	44.095.163
Cá nhân	22.224.840	1.206.162	23.431.002

3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Đợt	Thời gian	Vốn điều lệ	Tỷ lệ tăng	Nội dung
1	5/16/2016	50,987,640,000	15%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015
2	5/24/2017	58,634,700,000	15%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016
3	3/19/2018	117,269,400,000	100%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017
4	9/24/2018	123,131,590,000	05%	
5	6/20/2019	147,756,670,000	20%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018
6	7/30/2019	240,101,180,000	62.50%	
7	8/12/2020	360,149,520,000	50%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019
8	7/16/2021	450,181,410,000	25%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020
9	11/15/2022	675,261,650,000	50%	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 và cổ phiếu thưởng

4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

5. CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



03

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY

- ⑤8 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty
- ⑥0 Chiến lược phát triển trung và dài hạn
- ⑥4 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

1

Phát triển PECC2 thành doanh nghiệp công nghệ số trong lĩnh vực năng lượng, điều hành mọi hoạt động quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh trên nền tảng số tích hợp.



2

Đẩy mạnh đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học ứng dụng và nghiên cứu ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động thiết kế, sản xuất, thi công xây lắp và thí nghiệm, quản lý dự án và quản lý vận hành trong lĩnh vực năng lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực PECC2.



3

Củng cố vị thế cạnh tranh của PECC2 dựa trên năng lực số, mang đến sự khác biệt cho các đối tác, khách hàng thông qua các trải nghiệm số và các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao, đa dạng, với nhiều giá trị gia tăng.



4

PHÁT HUY NỘI LỰC, KẾT HỢP VỚI MỞ RỘNG KẾT NỐI, HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC ĐẦU TƯ VÀO CÔNG NGHỆ SỐ VÀ CÁC LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG MỚI.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ CƯỜNG CỐ NĂNG LỰC TRUNG TÂM

VỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



Đổi mới văn hóa PECC2 phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và hệ giá trị cốt lõi.



Hoàn thiện các quy chế nội bộ, quy trình quản trị doanh nghiệp của PECC2. Phát triển và ứng dụng hệ thống trí tuệ doanh nghiệp BI trong PECC2.



Chuẩn hóa theo hướng tích hợp công nghệ số tất cả các quy trình nghiệp vụ, quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của PECC2.



Tái lập hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPI), gắn lương, thưởng với hiệu quả công việc được giao.



Củng cố năng lực nhân sự trong công tác quản trị chiến lược và quản trị danh mục đầu tư của Công ty.

VỀ ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo phù hợp với chiến lược tái cấu trúc của PECC2.
- Tăng cường các khóa đào tạo, huấn luyện, hội thảo về hệ giá trị cốt lõi và văn hóa mới của PECC2.
- Chú trọng đào tạo để nâng cao năng lực số thông qua việc học hỏi, ứng dụng các công nghệ số: BIM, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật, học máy, học sâu, chuỗi khối v.v...
- Đẩy mạnh các hình thức đào tạo đa dạng, đặc biệt chú trọng: đào tạo nội bộ, đào tạo trên hệ thống eLearning, áp dụng hiệu quả hình thức cố vấn nghề nghiệp, nhằm hình thành môi trường học hỏi thường xuyên và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia đào tạo chuyên sâu, chuyên ngành nhằm phát triển dịch vụ đào tạo để cung cấp cho các đối tác bên ngoài.

VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Tăng cường phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của PECC2. Phát triển đội ngũ nghiên cứu nòng cốt và tiên phong trong lĩnh vực năng lượng.
- Thúc đẩy hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu ứng dụng các công nghệ số cốt lõi vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, các dịch vụ cung cấp và các dự án của PECC2.
- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nghiên cứu ứng dụng các công nghệ năng lượng mới (năng lượng tái tạo, sinh khối, năng lượng hạt nhân tiên tiến) để phát triển các dự án năng lượng ở Việt Nam.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

(Tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHIẾN LƯỢC CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH

PECC2 định hướng chiến lược phát triển dựa trên 3 lĩnh vực chính là Tư vấn, Kinh doanh và Đầu tư, trong đó Tư vấn là lĩnh vực cốt lõi.

LĨNH VỰC TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ

1. Củng cố vị thế dẫn đầu. Hợp nhất các đơn vị để tối ưu hóa sử dụng nguồn lực, xây dựng hạ tầng dữ liệu dùng chung, chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, áp dụng các công nghệ số để nâng cao năng suất và gia tăng trải nghiệm khách hàng.
2. Phát triển năng lực và cung cấp các dịch vụ đánh giá và thiết kế các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho các công trình công nghiệp và năng lượng.
3. Tiếp nhận chuyển giao và ứng dụng các công nghệ năng lượng mới (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng sóng biển, thủy triều, năng lượng sinh khối, năng lượng hydro, năng lượng hạt nhân công nghệ mới v.v...) để phát triển các dự án ở Việt Nam.
4. Củng cố năng lực khảo sát địa hình, địa chất, mở rộng dịch vụ ra các khách hàng tiềm năng.
5. Xây dựng năng lực ứng dụng công nghệ số và phát triển các dịch vụ mới: khảo sát, quan trắc (lún, biến dạng), đánh giá chất lượng công trình dựa trên thiết bị công nghệ số; dịch vụ quét chụp phục vụ mô hình BIM (Scan to BIM).
6. Tiếp cận thị trường và mở rộng hoạt động ra các nước trong khu vực.



LĨNH VỰC KINH DOANH



Thực hiện EPC

- Khai thác các cơ hội thị trường.
- Củng cố các năng lực quản lý dự án và quản lý EPC. Chú trọng quản lý rủi ro để đảm bảo hiệu quả kinh doanh dài hạn.
- Ứng dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả quản lý dự án, quản lý EPC.
- Nghiên cứu, ứng dụng hợp đồng thông minh vào quản lý thực hiện các hợp đồng.



Dịch vụ thi công xây dựng

Phát triển và cung cấp các dịch vụ xây dựng cho các công trình năng lượng tái tạo.



Dịch vụ kỹ thuật nhà máy điện

- Mở rộng dịch vụ quản lý vận hành (O&M) các công trình năng lượng.
- Xây dựng năng lực để phát triển các dịch vụ thí nghiệm, vận hành thử nghiệm (commissioning, start-up).
- Xây dựng năng lực để phát triển các dịch vụ đánh giá, tối ưu hóa thông số vận hành hệ thống, thiết bị nhà máy điện.
- Phát triển dịch vụ xây dựng mô hình số (BIM) cho các hệ thống và nhà máy điện hiện hữu.
- Hợp tác với các đối tác để phát triển và cung cấp dịch vụ trên cơ sở bản song sinh số (digital twin).
- Xây dựng cơ sở dữ liệu các công trình năng lượng, áp dụng các công nghệ số để nâng cao hiệu quả quản lý vận hành và mở rộng dịch vụ kỹ thuật nhà máy điện.



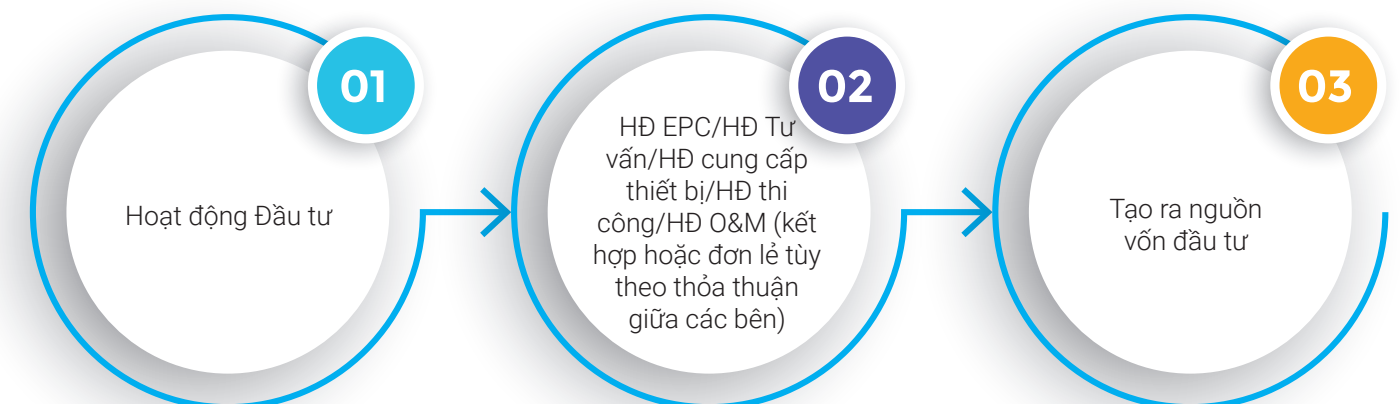
Chế tạo thiết bị

- Mở rộng thị trường chế tạo và cung cấp kết cấu thép.
- Xây dựng và áp dụng hệ thống quản trị sản xuất tiên tiến.
- Nâng cao năng lực chế tạo, phát triển chế tạo các thiết bị phụ trợ, các thiết bị công nghệ cho các nhà máy điện.

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

Mở rộng quan hệ với các đối tác chiến lược, tìm kiếm các cơ hội, thị trường mới trong lĩnh vực năng lượng, tối ưu hóa giá trị còn lại nhận được từ thị trường hiện tại, mang lại lợi ích nhất định cho Công ty.

Kiểm soát, đánh giá hiệu quả, quản lý rủi ro và quản trị danh mục đầu tư (Portfolio management). Giá trị mang lại của hoạt động Đầu tư được minh họa theo hình sau:



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHỈNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY



QUA GẦN **40** NĂM
TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN

PECC2 LUÔN KHÔNG NGỪNG NỖ LỰC THAY ĐỔI VÀ
KIẾN ĐỊNH VỚI MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PECC2 BAO GỒM:

- ① Định hướng gắn sự phát triển của công ty với lợi ích của khách hàng. Cung cấp cho khách hàng dịch vụ và sản phẩm có chất lượng tốt nhất, phù hợp với các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Mang lại cho khách hàng ngày càng nhiều giá trị khác biệt.
- ② Lấy phát triển con người làm trọng tâm của sự phát triển, đảm bảo việc làm và đời sống cho người lao động.
- ③ Định hướng phát triển các lĩnh vực kinh doanh theo xu hướng năng lượng sạch, năng lượng xanh. Trong đó chủ yếu là đầu tư phát triển trong các lĩnh vực tư vấn năng lượng mới, năng lượng tái tạo, tư vấn thủy lợi, tư vấn hạ tầng, môi trường. Tham gia các gói thầu EPC; O&M các dự án năng lượng tái tạo; vận hành bảo dưỡng các dự án năng lượng tái tạo sau đầu tư nếu xác định rõ đã có hiệu quả.
- ④ Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong lĩnh vực truyền thống về tư vấn xây dựng các dự án nhiệt điện, thủy điện, lưới điện, thủy điện tích năng, năng lượng tái tạo (điện gió, mặt trời trên hồ, đất liền,...), khảo sát xây dựng.
- ⑤ Tập trung vào ứng dụng công nghệ tối đa vào các khâu cho sản xuất, vận hành và quản trị công ty.



04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

68 Báo cáo quản trị công ty

85 Báo cáo quản trị rủi ro

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY



PECC2

Tại PECC2, quản trị doanh nghiệp được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững thông qua những nỗ lực ban hành quy chuẩn và vận dụng thông lệ quốc tế nhằm xây dựng một cơ chế quản trị doanh nghiệp thống nhất, chuyên nghiệp trong cách quản lý.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

01	Ông Nguyễn Chơn Hùng Chủ tịch HĐQT	Số cổ phiếu cá nhân 145.795	Tỷ lệ (%) 0,22
02	Ông Võ Văn Bình Thành viên HĐQT	Số cổ phiếu cá nhân 28.882	Tỷ lệ (%) 0,04
03	Bà Phạm Liên Hải Thành viên HĐQT	Số cổ phiếu cá nhân 243.239	Tỷ lệ (%) 0,36
04	Ông Nguyễn Mạnh Phát Thành viên HĐQT không điều hành	Số cổ phiếu cá nhân 16.367	Tỷ lệ (%) 0,02
05	Ông Đinh Quang Tri Thành viên HĐQT độc lập	Số cổ phiếu cá nhân 0	Tỷ lệ (%) 0

2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Ban Tổng hợp trực thuộc HĐQT được thành lập trên cơ sở sáp nhập một số bộ phận của Công ty như Kiểm toán nội bộ, nhóm Thư ký và Trợ lý của HĐQT.



3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

(Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp).



HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quy định nội bộ của PECC2. Ngoài ra, với trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm nhiều năm quản lý của các thành viên HĐQT, theo phân công nhiệm vụ của các thành viên phù hợp với các lĩnh vực là thế mạnh của các thành viên; đã tạo điều kiện cho các thành viên phát huy ưu thế cũng như luôn sát cánh cùng Ban điều hành và PECC2 trong mọi lĩnh vực hoạt động của PECC2.

Trong năm 2023, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, ngoài ra còn tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, họp bất thường đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Các thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ và có ý kiến biểu quyết với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác, thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty.

Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 42 Nghị quyết và 02 Quyết định.

Nội dung liên quan đến vấn đề SXKD, công tác đầu tư, công tác tổ chức nhân sự và các công tác khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Bao gồm phụ lục các nghị quyết và quyết định của HĐQT đính kèm Báo cáo này.

Bên cạnh đó, các Thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ, thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công; Đồng thời HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát, đảm bảo tính độc lập hoạt động của BKS.

Mời họp và gửi tài liệu họp HĐQT đến BKS theo đúng quy định như đối với HĐQT, luôn lắng nghe ý kiến của BKS khi tham gia họp HĐQT.

♦ Số lượng các cuộc họp của HĐQT

01	Ông Nguyễn Chơn Hùng Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 11/10/2013	Số buổi họp HĐQT tham dự 04	Tỷ lệ tham dự họp 100%
02	Ông Võ Văn Bình Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 28/02/2018	Số buổi họp HĐQT tham dự 04	Tỷ lệ tham dự họp 100%
03	Bà Phạm Liên Hải Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/04/2021	Số buổi họp HĐQT tham dự 04	Tỷ lệ tham dự họp 100%
04	Ông Nguyễn Mạnh Phát Thành viên HĐQT không điều hành	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/04/2021	Số buổi họp HĐQT tham dự 04	Tỷ lệ tham dự họp 100%
05	Ông Đinh Quang Tri Thành viên HĐQT độc lập	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 30/06/2022	Số buổi họp HĐQT tham dự 04	Tỷ lệ tham dự họp 100%



Trong năm 2023, HĐQT đã ban hành 42 Nghị quyết và 02 Quyết định liên quan đến vấn đề SXKD, công tác đầu tư, công tác tổ chức nhân sự và các công tác khác thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, chi tiết như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	0005/2023/NQ-HĐQT	17/01/2023	Phiên họp 1 năm 2023
02	0006.1/2023/NQ-HĐQT	30/01/2023	Thông qua kết quả nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ 2022
03	0008/2023/NQ-HĐQT	17/02/2023	Phê duyệt nội dung biểu quyết của NDD phần vốn PECC2 tại HBE
04	00010/2023/NQ-HĐQT	17/02/2023	Phê duyệt nội dung biểu quyết của NDD phần vốn PECC2 tại HBE
05	00018/2023/NQ-HĐQT	17/04/2023	Phê duyệt nội dung biểu quyết của NDD phần vốn PECC2 tại BDHC
06	00020/2023/NQ-HĐQT	25/04/2023	Gia hạn thời gian Đại hội
07	51201/2023/NQ-HĐQT	12/05/2023	Phê duyệt nâng ngạch Kỹ sư chính, Chuyên viên chính
08	51204/2023/NQ-HĐQT	12/05/2023	Phiên họp 2 năm 2023
09	51501/2023/NQ-HĐQT	15/05/2023	Chốt danh sách để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2023
10	52201/2023/NQ-HĐQT	22/05/2023	Phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc
11	52501/2023/NQ-HĐQT	25/05/2023	Phê duyệt nội dung biểu quyết của NDD phần vốn PECC2 tại SSC
12	53101/2023/NQ-HĐQT	31/05/2023	Tái cấu trúc bộ phận Nghiên cứu Khoa học & Ứng dụng trực thuộc TR&D
13	53102/2023/NQ-HĐQT	31/05/2023	Tái cấu trúc mô hình Tổ chức XNKS
14	60103/2023/NQ-HĐQT	01/06/2023	Phiên họp 03 năm 2023
15	60601/2023/NQ-HĐQT	06/06/2023	Phê duyệt hủy thầu gói thầu Cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển nhượng & thẩm định giá cổ phần BDHC và điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	60901/2023/NQ-HĐQT	09/06/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại HBE
17	62201/2023/NQ-HĐQT	22/06/2023	Phê duyệt Nguyên tắc xác định Quỹ tiền lương, tiền thưởng và Kế hoạch Quỹ tiền lương, tiền thưởng năm 2023
18	62601/2023/NQ-HĐQT	26/06/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại TBC2
19	62605/2023/NQ-HĐQT	26/06/2023	Giao Kế hoạch tài chính năm 2023
20	62701/2023/NQ-HĐQT	27/06/2023	V/v kiện toàn nhân sự các đơn vị
21	0621/QĐ-PECC2	28/06/2023	Phê duyệt Kế hoạch Lựa chọn nhà thầu DV kiểm toán BCTC
22	0631/QĐ-PECC2	29/06/2023	Phê duyệt HSMT gói thầu cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2023
23	63003/2023/NQ-HĐQT	30/06/2023	Phê duyệt BCTC các Chi nhánh năm 2022
24	71202/2023/NQ-HĐQT	12/07/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại CMC
25	71801/2023/NQ-HĐQT	18/07/2023	Thông qua kết quả thẩm định giá trị và giá khởi điểm chuyển nhượng cổ phần EVNI
26	71902/2023/NQ-HĐQT	19/07/2023	Phê duyệt giá trị quyết toán Hợp đồng Dự án Nhà máy điện gió Chính Thắng
27	72101/2023/NQ-HĐQT	21/07/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại HBE
28	72601/2023-NQ_HĐQT	26/07/2023	Phê duyệt chủ trương xây dựng Khu nhà làm việc phục vụ Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang
29	72701/2023-NQ_HĐQT	27/07/2023	Tái lập Phòng Quản lý Dự án trực thuộc Chi nhánh Cơ điện
30	72801/2023-NQ-HĐQT	28/07/2023	Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc
31	80701/2023/NQ-HĐQT	07/08/2023	Bổ sung ngành, nghề kinh doanh cho Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
32	82401/2023/NQ-HĐQT	24/08/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại HBE
33	82501/2023/NQ-HĐQT	25/08/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại SSC
34	82801/2023/NQ-HĐQT	28/08/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại HBE
35	90801/2023/NQ-HĐQT	08/09/2023	Phê duyệt Quyết toán dự án hoàn thành Hệ thống tích trữ năng lượng Bess kết hợp điện mặt trời mái nhà tại Tòa nhà PIH - Thủ Đức
36	91201/2023/NQ-HĐQT	12/09/2023	Phê duyệt chủ trương thuê Đơn vị thực hiện dịch vụ tư vấn pháp lý
37	91401/2023/NQ-HĐQT	14/09/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại HBE
38	92001/2023/NQ-HĐQT	20/09/2023	Phê duyệt bổ sung ngành nghề cho Chi nhánh Cơ điện, Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng
39	101601/2023/NQ-HĐQT	16/10/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại BDHC
40	110801/2023/NQ-HĐQT	08/11/2023	Quy định công bố thông tin sửa đổi bổ sung lần 4
41	111301/2023/NQ-HĐQT	13/11/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại TBC2
42	112801/2023/NQ-HĐQT	28/11/2023	Thành lập Ban tổng hợp thuộc HĐQT trên cơ sở sáp nhập một số bộ phận có liên quan
43	120104/2023/NQ-HĐQT	01/12/2023	Thông qua các nội dung chỉ đạo NDD phần vốn PECC2 tại HBE
44	121801/2023/NQ-HĐQT	18/12/2023	Phê duyệt lại dự toán Gói thầu 02: Cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển nhượng cổ phần BDHC

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

◆ Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Trong quá trình hoạt động, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ vào các hoạt động của HĐQT phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của PECC2, cụ thể:



- Với tính chất độc lập khi tham gia HĐQT, vai trò của thành viên độc lập trong HĐQT PECC2 đã góp phần tích cực trong việc nâng cao tính khách quan, minh bạch và hiệu quả các quyết định của HĐQT.



◆ Hoạt động của Ban Tổng hợp

Ngày 15/12/2023, Ban Tổng hợp trực thuộc HĐQT đã được thành lập trên cơ sở sáp nhập bộ phận kiểm toán nội bộ, trợ lý và thư ký HĐQT theo Nghị quyết số 112801/2023/NQ-HĐQT ngày 28/11/2023 với các chức năng nhiệm vụ như tham mưu, tổng hợp, giúp việc cho HĐQT trong việc triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình công tác; báo cáo các công việc hành chính hàng ngày và kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của Công ty.

Từ khi thành lập cho đến hết năm 2023, Ban Tổng hợp tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và công việc của các bộ phận được sáp nhập như:

Công tác kiểm toán nội bộ: Thực hiện công tác kiểm toán toàn diện các mặt hoạt động của các đơn vị trong Công ty thông qua các cuộc kiểm toán trực tiếp/gián tiếp trong năm để từ đó đề xuất các biện pháp xử lý khắc phục những thiếu sót được phát hiện.

Công tác Trợ lý, Thư ký: tham gia rà soát các hồ sơ, tài liệu được trình lên HĐQT và có góp ý (nếu có) trước khi trình lên HĐQT.



5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Các thành viên HĐQT đều đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty.

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu BKS:

01	Nguyễn Hồng Khanh Trưởng Ban Kiểm soát	Số cổ phiếu cá nhân tại thời điểm 31/12/2023 10.000	Tỷ lệ sở hữu (%) 0,01
02	Trần Thị Việt Hà Thành viên BKS	Số cổ phiếu cá nhân tại thời điểm 31/12/2023 0	Tỷ lệ sở hữu (%) 0
03	Phạm Thị Lan Anh Thành viên BKS	Số cổ phiếu cá nhân tại thời điểm 31/12/2023 5.088	Tỷ lệ sở hữu (%) 0,01

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát :

BKS thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

Thực hiện quyền giám sát việc thực thi Điều lệ Công ty;

Giám sát việc thực thi Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã được thông qua, nhằm bảo vệ quyền lợi các cổ đông;

Cùng kiểm toán độc lập giám sát tính minh bạch hoạt động tài chính của Công ty;

Giám sát tính thực thi của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BDH) theo luật định.

♦ Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

01	Bà Nguyễn Hồng Khanh Trưởng BKS	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 23/04/2021	Số buổi họp HĐQT tham dự 3/3	Tỷ lệ tham dự họp 100%
02	Bà Trần Thị Việt Hà Thành viên BKS	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 26/06/2020	Số buổi họp HĐQT tham dự 3/3	Tỷ lệ tham dự họp 100%
03	Bà Phạm Thị Lan Anh Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT 30/06/2022	Số buổi họp HĐQT tham dự 3/3	Tỷ lệ tham dự họp 100%

♦ Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

01	Thẩm tra BCTC năm 2022 và Giám sát kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022: Ban Kiểm soát đã có Báo cáo số 05/PECC2-BKS ngày 20/4/2023 về việc báo cáo thẩm tra BCTC 2022 PECC2.
02	Đồng thời có Báo cáo số 08/PECC2-BKS ngày 07/6/2023 báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và Công văn số 09/PECC2-BKS ngày 26/6/2022 đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2023. Rà soát, chuẩn bị các nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2023.
03	Kiểm soát công tác quản lý đất đai và tài sản trên đất của EVNPECC2: Ban Kiểm soát đã có Báo cáo số 12/PECC2-BKS ngày 21/9/2023 về công tác quản lý & sử dụng đất tại EVNPECC2.
04	Thẩm tra BCTC 6 tháng đầu năm 2023: BKS đã có Báo cáo số 13/PECC2-BKS ngày 28/9/2023 về báo cáo thẩm tra Báo cáo tài chính 6 tháng 2023 & giám sát chất lượng kiểm toán độc lập.

Nhìn chung, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023, tích cực triển khai các biện pháp để thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2023, trả cổ tức cho cổ đông đúng quyết nghị của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm soát ghi nhận chưa phát hiện được điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

♦ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Năm 2023, Ban Kiểm soát tham dự một số cuộc họp cùng Hội đồng quản trị và Ban điều hành về một số nội dung quan trọng như: kết quả SXKD và BCTC năm 2022; chế độ tiền lương người lao động; công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD thông qua các Báo cáo kết quả SXKD, kết quả Đầu tư định kỳ; các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban TGD và các Báo cáo tài chính định kỳ, cả năm.

Nhìn chung, HĐQT và Ban TGD Công ty đã tích cực triển khai các biện pháp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

♦ Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Song song với việc thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan. Năm 2023, Ban Kiểm soát cũng tập trung thực hiện soát xét các nội dung chính, bao gồm: Theo dõi, rà soát việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 của Công ty; tham gia Hội nghị Người lao động công ty năm 2023; giám sát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc, các Chi nhánh, các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Sau mỗi cuộc kiểm soát, Ban Kiểm soát có thông báo kết quả và kiến nghị đến HĐQT và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo quyền lợi của các Cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ công ty.

Ban Kiểm soát nhận được các nghị quyết, quyết định của HĐQT; một số văn bản liên quan khác của Ban TGD Công ty qua Eoffice và các cuộc họp giao ban quý, họp HĐQT; Các thành viên của Ban cũng chủ động nghiên cứu, nâng cao nghiệp vụ kiểm tra và giám sát nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1. Lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng Quản trị:

01	Ông Nguyễn Chơn Hùng Chủ tịch HĐQT	Lương/năm (triệu đồng) 486	Thù lao/năm(triệu đồng) -
02	Ông Võ Văn Bình Thành viên HĐQT	Lương/năm (triệu đồng) 468	Thù lao/năm(triệu đồng) -
03	Bà Phạm Liên Hải Thành viên HĐQT	Lương/năm (triệu đồng) 414	Thù lao/năm(triệu đồng) -
04	Ông Nguyễn Mạnh Phát Thành viên HĐQT	Lương/năm (triệu đồng) -	Thù lao/năm(triệu đồng) 82,8
05	Ông Đinh Quang Tri Thành viên HĐQT	Lương/năm (triệu đồng) -	Thù lao/năm(triệu đồng) 82,8



2. Lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của Ban Kiểm soát:

01	Bà Nguyễn Hồng Khanh Trưởng BKS	Lương/năm (triệu đồng) -	Thù lao/năm(triệu đồng) 86,4
02	Bà Trần Thị Việt Hà Thành viên BKS	Lương/năm (triệu đồng) -	Thù lao/năm(triệu đồng) 82,8
03	Bà Phạm Thị Lan Anh Thành viên BKS	Lương/năm (triệu đồng) -	Thù lao/năm(triệu đồng) 82,8

3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và những người có liên quan với người nội bộ năm 2023: **Không có**

4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: **Không có**



IV. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY :

• PECC2 đã thể hiện sự cam kết và nỗ lực liên tục trong công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục duy trì và phát huy thành quả cho chiến lược phát triển kinh doanh dài hạn của Công ty.

• HĐQT PECC2 tiếp tục nghiên cứu và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất được khuyến nghị trong Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất do UBCKNN và IFC phát hành.



♦ Các nguyên tắc quản trị Công ty theo Quy chế quản trị nội bộ PECC2



♦ **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**



ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2023

Trong năm 2023, dưới sự định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, PECC2 luôn hoạt động tuân thủ, dựa trên 7 nguyên tắc về quản trị công ty nêu trên. Để tăng cường tính minh bạch và nâng cao chất lượng hoạt động, vào tháng 12/2023, Công ty đã điều chỉnh và ban hành Quy định Công bố thông tin sửa đổi lần 04 cập nhật theo các quy định của pháp luật hiện hành để đảm bảo hoạt động Công bố thông tin của công ty, cam kết truyền thông đầy đủ với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý. Đồng thời phổ biến và nâng cao nhận thức của các cán bộ quản lý, cán bộ nhân viên về các thông lệ quản trị công ty tốt, đảm bảo các quy định về quản trị được tuân thủ thực hiện từ lãnh đạo cấp cao đến nhân viên tại Công ty.



ĐẠT GIẢI THƯỞNG TẠI LỄ TRAO GIẢI

Đặc biệt, tại Lễ trao giải cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết 2023 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) cùng Báo Đầu tư Chứng khoán tổ chức vào 15/12/2023, PECC2 vinh dự là doanh nghiệp duy nhất đạt giải thưởng "Doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt trội – Hạng mục Quản trị công ty".

Được biết, hạng mục giải thưởng "Doanh nghiệp có sự tiến bộ vượt trội" nhằm ghi nhận nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc minh bạch thông tin, tăng khả năng truyền tải thông tin đối với nhà đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về Quản trị Công ty.

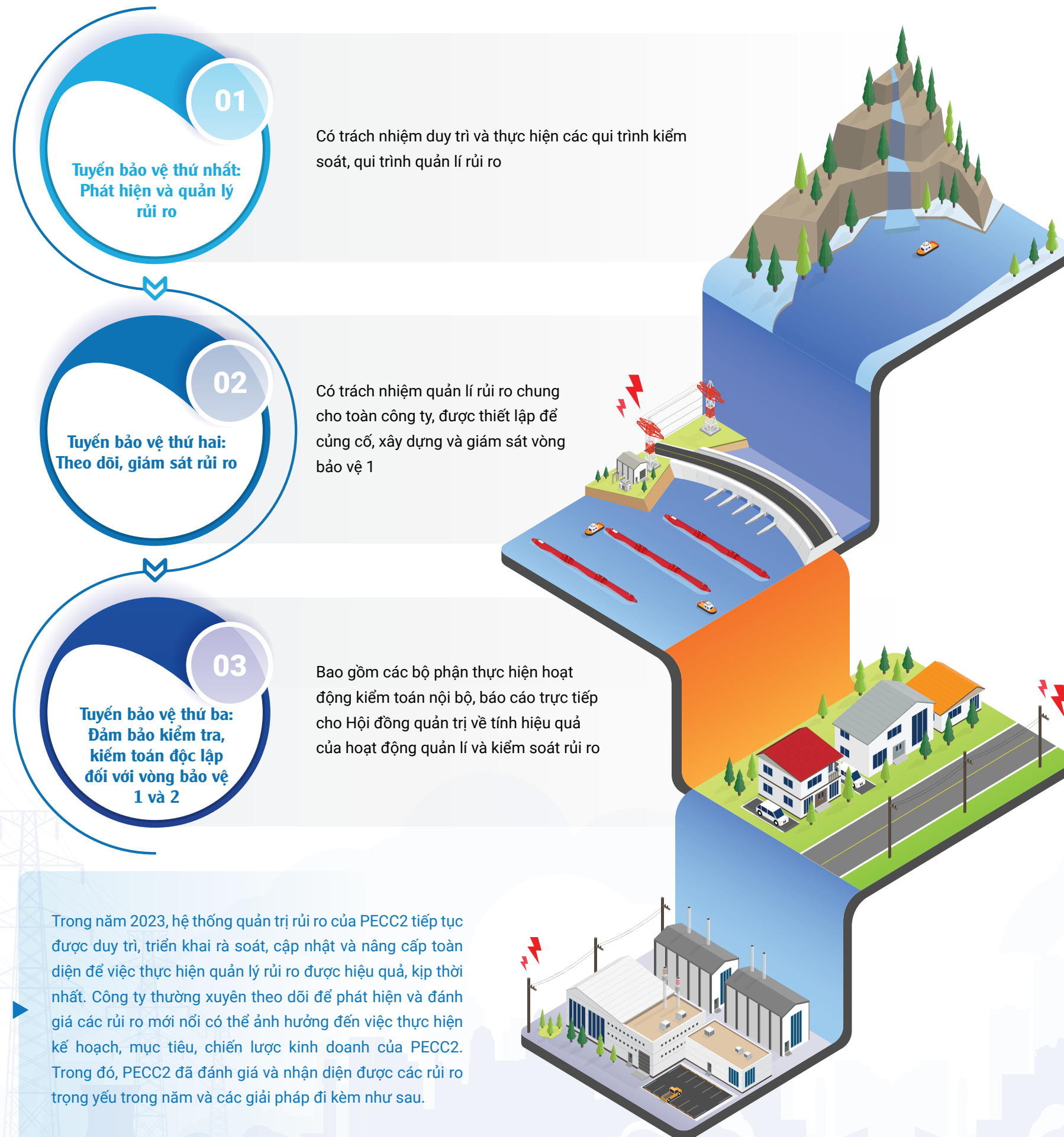


BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO



PECC2 thực hiện quản trị rủi ro theo mô hình ba tuyến bảo vệ. Việc quản trị rủi ro được thực hiện từ các cấp chuyên gia, người lao động lên đến các cấp quản lý, Ban điều hành, ban kiểm toán nội bộ và Hội đồng quản trị.





Loại rủi ro	Nhận diện rủi ro	Giải pháp
RỦI RO CHIẾN LƯỢC: Gồm các rủi ro liên quan đến định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chung, môi trường kinh doanh, hình ảnh thương hiệu của công ty, gắn với trách nhiệm của HĐQT.	- Rủi ro của ngành Chuyển dịch trong ngành năng lượng khi năng lượng tái tạo trở thành yếu tố phát triển mạnh nhưng chính sách chưa rõ ràng; - Rủi ro cạnh tranh từ các công ty đối thủ trong lĩnh vực tư vấn trong và ngoài nước tham gia vào ngành năng lượng trong thời kỳ bùng nổ các dự án năng lượng tái tạo.	- Nghiên cứu các công nghệ mới, chuẩn bị sẵn sàng cho những thay đổi chính sách; - Giữ vững và phát huy năng lực tư vấn hiện tại; chú trọng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới; chuẩn bị các giải pháp đầy đủ từ giai đoạn đề xuất dự án đến quản lý vận hành nhà máy đạt hiệu suất cao; nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào các dự án năng lượng để có các giải pháp tiên tiến cho khách hàng.
RỦI RO HOẠT ĐỘNG: Gồm các rủi ro gây ra do các quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hằng ngày, thường gắn với trách nhiệm của cán bộ quản lý.	- Rủi ro về công nghệ thông tin như: gián đoạn công nghệ, các mối đe dọa an ninh mạng, vi phạm dữ liệu, công nghệ lạc hậu, thiếu kỹ năng; - Rủi ro về quản lý dự án liên quan đến tiến độ, chất lượng dự án; - Rủi ro về nhân sự nếu không thu hút được người tài, giữ được nhân sự có năng lực và/ hoặc đội ngũ nhân sự không bắt kịp sự phát triển của công nghệ và các vấn đề liên quan.	- Xây dựng một nền tảng được cấu trúc tốt về công nghệ thông tin, đội ngũ nhân lực có đủ kỹ năng và các quy trình hỗ trợ được quản lý tốt; Xây dựng văn hóa "hiểu biết về rủi ro" cho Người lao động ở tất cả các cấp. - Tăng cường phối hợp giữa Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, nhà cung cấp hàng; - Có chính sách phát triển nghề nghiệp rõ ràng, cơ chế trả lương cạnh tranh, các chương trình đào tạo thích hợp, sắp xếp công việc phù hợp với từng nhân viên, từng bộ phận, hạn chế tối đa tranh chấp, mâu thuẫn, kịp thời tạo động lực cho người lao động liên tục phát triển bản thân và gắn bó với Công ty.
RỦI RO TUÂN THỦ: Gồm các rủi ro liên quan đến việc tuân thủ với các yêu cầu từ bên ngoài như luật, quy định, chuẩn mực, hợp đồng khế ước hoặc các cam kết khác và các quy định, quy trình nội bộ,... thường gắn với trách nhiệm của cán bộ quản lý, nhân viên và chuyên gia liên quan.	- Rủi ro dòng tiền liên quan đến tiến độ thanh toán từ khách hàng và cho các nhà thầu phụ; - Rủi ro vi phạm các quy chế quản lý nội bộ.	- Đánh giá năng lực và khả năng thanh toán của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng, dự trù ngân sách, hạn mức tín dụng phù hợp để đảm bảo tính thanh khoản; - Tăng cường công tác kiểm soát các cấp; quán triệt người lao động qui tắc tuân thủ các qui định của Công ty. Xác lập thỏa thuận giữa các bên liên quan và tuân thủ theo điều khoản, điều kiện đã thỏa thuận.
RỦI RO TÀI CHÍNH: Gồm các rủi ro phát sinh từ hoạt động tài chính như huy động vốn, nợ, tín dụng, thị trường, thanh khoản, tỉ giá hối đoái, lãi suất, dòng tiền,... dẫn đến sụt giảm thu nhập, phát sinh chi phí, thất thoát, thiệt hại vốn của công ty.	- Rủi ro liên quan đến nghĩa vụ thuế. - Rủi ro hóa đơn, chứng từ. - Rủi ro kiểm soát chi phí. - Rủi ro chậm trễ tiến độ dự án do thách thức trong việc tiếp cận nguồn vốn.	- Tăng cường công tác kiểm soát các cấp; quán triệt qui tắc tuân thủ các qui định của Công ty, của pháp luật. - Chú trọng đàm phán hợp đồng nhà cung cấp, tối ưu hóa quy trình hoạt động; đặt ra chi phí tiêu chuẩn được xác định trước cho vật liệu, nhân công và chi phí chung; theo dõi giá trị của công việc đã hoàn thành và lịch trình theo kế hoạch. - Lập kế hoạch, ước tính chính xác nguồn lực (nhân lực, ngân sách), đánh giá khả năng đáp ứng cho các yêu cầu của dự án.

05

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 90 Tầm nhìn phát triển bền vững
- 91 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội công ty
- 96 Định hướng chiến lược phát triển bền vững

TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PECC2 là doanh nghiệp hàng đầu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế, xây dựng, quản lý dự án, quản lý vận hành và đầu tư các công trình năng lượng sạch, năng lượng tái tạo ở Việt Nam, góp phần thúc đẩy chuyển dịch năng lượng và thực hiện cam kết của Việt Nam đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

PECC2 phát triển theo hướng hiệu quả và chất lượng, đảm bảo kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với trách nhiệm xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường; chủ động và tích cực tham gia các chương trình chung của Chính phủ và của các địa phương về môi trường và xã hội.

PECC2 là môi trường văn hóa làm việc tin cậy, cộng tác và thấu cảm, được kiến tạo dựa trên ba hệ giá trị cốt lõi: Tinh thần phụng sự, Đam mê nghề nghiệp và Đổi mới sáng tạo.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CÔNG TY

1. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Phát thải khí nhà kính CO₂ của PECC2 bao gồm: phát thải do tiêu thụ điện (gián tiếp) và phát thải do sử dụng gas của bếp ăn (trực tiếp), lượng khí phát thải tại các điểm đo tại PIH < 8.3mg/m³ (đo định kỳ 3 tháng/1 lần).



Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Thiết kế hệ thống thông gió, hút khói, cấp gió tươi cho tòa nhà, bãi đậu xe.



Trồng cây xanh trong khuôn viên để tăng khả năng hấp thụ chất ô nhiễm.

Bê tông hóa đường giao thông trong khuôn viên, thường xuyên tưới nước rửa đường trong khuôn viên tòa nhà.



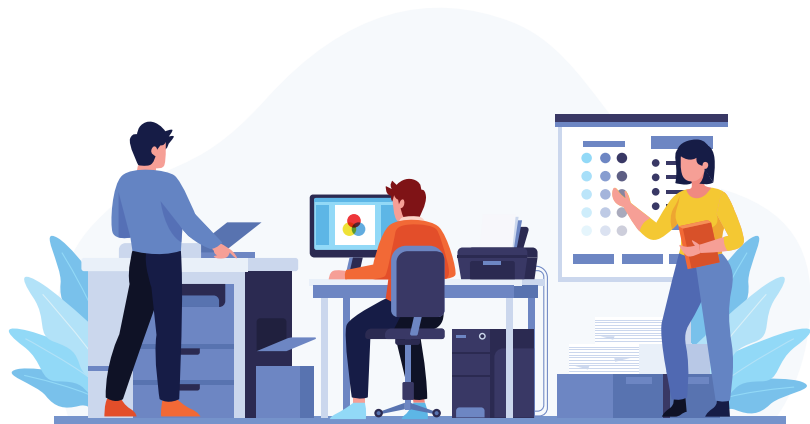
2. QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nguyên liệu của PECC2 sử dụng chủ yếu là giấy in để xuất bản hồ sơ, tổng lượng giấy sử dụng năm 2023 là:

Giấy A4
3.108 ram

Giấy A3
466 ram

Giấy in A0
179 cuộn



3. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Năm 2022, PECC2 tiêu thụ điện từ các nguồn: lưới điện quốc gia, hệ thống điện mặt trời và hệ thống BESS (nạp giờ thấp điểm và phát giờ cao điểm):

Năng lượng
tiêu thụ trực tiếp
từ điện lưới

1,294
MWh

Năng lượng
tiêu thụ trực tiếp
từ hệ thống điện mặt trời

400
MWh

Năng lượng
tiêu thụ gián tiếp
qua hệ thống BESS

284
MWh

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
Năng lượng tiết kiệm được nhờ sử dụng hệ thống điện mặt trời lắp đặt tại PIH là 400MWh.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Đối với lĩnh vực sử dụng năng lượng tái tạo, PECC2/POM tiếp tục khai thác công cụ AI dự báo công suất phát điện mặt trời trong công tác quản lý vận hành các nhà máy điện mặt trời. Đồng thời PECC2 cũng đang triển khai nghiên cứu ứng dụng AI để dự báo công suất phát điện gió.



4. TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: PECC2 sử dụng nước từ nguồn nước thủy cục, năm 2023 tổng lượng nước tiêu thụ là

12,667 m³

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

KHÔNG



5. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

KHÔNG

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

KHÔNG



6. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG
1.203
Người

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1

Về các chế độ đối với người lao động, hằng năm, ngoài cơ chế tiền lương được Công ty xây dựng trên nguyên tắc chi trả theo vị trí, chức vụ công tác, trình độ chuyên môn, mức độ phức tạp của công việc, việc phân phối tiền lương còn phải gắn với kết quả, mức độ hoàn thành công việc để từ đó nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc. Công ty luôn đảm bảo chính sách tiền lương được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động, công bằng giữa các người lao động và cạnh tranh trên thị trường.

2

Bên cạnh đó, PECC2 còn có các chế độ đãi ngộ ngoài lương khá đa dạng với các hình thức có thể kể đến như: khám sức khỏe tổng quát định kỳ, ký hợp đồng bảo hiểm sức khỏe cho NLD và người thân của NLD, xe đưa đón nhân viên, hỗ trợ công tác phí, hỗ trợ ăn sáng, ăn trưa tại Công ty, thực hiện các chế độ BHXH, chế độ chính sách khác cho NLD theo quy định: nghỉ phép năm, hỗ trợ chi phí đi lại thăm gia đình các dịp lễ tết, ốm đau, thai sản, dưỡng sức, lập sổ, chốt sổ BHXH, trợ cấp thôi việc, mất việc, hưu trí, hiếu hỉ.

3

Người lao động tại PECC2 luôn được tạo điều kiện làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp, văn phòng làm việc rộng rãi, khang trang, người lao động được cấp phát trang thiết bị làm việc hiện đại. Ngoài ra, để đảm bảo an toàn cho người lao động, công ty luôn trang bị đầy đủ đồng phục, phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động khi làm việc.

4

Công đoàn và Đoàn thanh niên PECC2 cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động đồng thời giúp gắn kết toàn thể người lao động trong Công ty. Các hoạt động tiêu biểu có thể kể đến như: tổ chức các giải chạy khuyến khích tinh thần thể thao nâng cao sức khỏe, các hoạt động vào ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, trung thu, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, Phụ nữ Việt Nam 20/10.

5

Bên cạnh các hoạt động nội bộ, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến các hoạt động Đoàn thể, khuyến khích người lao động trẻ tham gia các hoạt động tình nguyện trên địa bàn công tác, các chương trình từ thiện tại vùng sâu vùng xa trên cả nước. Từ đó thể hiện rõ tinh thần nhân đạo, luôn hướng đến xã hội trong văn hóa doanh nghiệp PECC2.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG



Số giờ đào tạo trung bình năm 2023 theo nhân viên

1,9 Giờ đào tạo/
nhân viên

Số giờ đào tạo trung bình năm 2023 theo phân loại nhân viên

Cán bộ quản lý

1,1 Giờ đào tạo/
Cán bộ quản lý

Số lượt nhân sự tham gia đào tạo trong 2023

1.270 Lượt

Kỹ sư, chuyên viên

2,4 Giờ đào tạo/
nhân viên

Tổng số khóa đào tạo đã tổ chức

52 Khóa

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Chương trình Phát triển Nghề nghiệp PECC2 CPD: Năm 2023, PECC2 tiếp tục triển khai áp dụng chương trình PECC2 CPD gồm nhiều hình thức và hoạt động chia làm 3 nhóm hoạt động "Học hỏi, Phát triển, Đóng góp".

Hệ thống PECC2 E-Learning: Năm 2023, PECC2 đẩy mạnh đào tạo trực tuyến bằng việc nâng cấp giao diện hệ thống PECC2 E-Learning thân thiện với người học, cập nhật thêm các khóa học mới. Hiện nay hệ thống PECC2 E-Learning có 202 khóa học được bố trí theo 11 chủ đề chính bao gồm: Văn hóa Doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, Quản lý dự án và công trình xây dựng, Chuyển đổi số - Năng lực số, CNTT và phần mềm, Kiến thức chuyên ngành kỹ thuật, Kiến thức chuyên ngành khác, Vận hành và bảo trì nhà máy điện, Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển PECC2, thúc đẩy tăng trưởng chất lượng và hiệu quả, thực hiện kinh doanh tuân thủ pháp luật và đóng góp tích cực vào quá trình thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Việt Nam (theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững).

Việc xây dựng, thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án trong PECC2 phải đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững. PECC2 tiếp tục thúc đẩy thực hiện 5 nhóm nhiệm vụ và giải pháp phát triển bền vững, cụ thể như sau:

NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 1

Củng cố, nâng cao năng lực quản trị và quản lý doanh nghiệp

Thiết lập vai trò, trách nhiệm và cam kết rõ ràng của Hội đồng quản trị được quy định trong điều lệ.

Củng cố thành phần, cơ cấu và nhân sự Hội đồng quản trị có năng lực và chuyên nghiệp.

Nâng cao vai trò lãnh đạo hiệu quả và độc lập của Hội đồng quản trị

Bảo đảm các hoạt động của Hội đồng quản trị hiệu quả và thực chất.

Ứng dụng công nghệ số vào kinh doanh và quản trị nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản trị doanh nghiệp.

NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 2

Kiến tạo văn hóa bền vững

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thực thi văn hóa PECC2 theo ba hệ giá trị cốt lõi: Tinh thần phụng sự, Đam mê nghề nghiệp và Đổi mới sáng tạo.

Thúc đẩy các hoạt động kiến tạo môi trường làm việc tin cậy, cộng tác và thấu cảm tại các đơn vị trong PECC2.

NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 3

Đổi mới, sáng tạo, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất làm việc, sử dụng hiệu quả nguồn lực.

Đẩy mạnh các nhóm hoạt động học hỏi, phát triển và đóng góp theo Chương trình phát triển nghề nghiệp PECC2 (PECC2 CPD) nhằm nâng cao năng lực làm việc và khả năng hội nhập cho các nhân sự của PECC2.

Khai thác ứng dụng trí tuệ nhân tạo dự báo công suất phát điện mặt trời trong công tác quản lý vận hành các nhà máy điện mặt trời.

Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo dự báo công suất phát điện gió.

Cung cấp dịch vụ ứng dụng các công nghệ BIM, Scan to BIM vào các dự án năng lượng, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ và gia tăng trải nghiệm khách hàng.

Thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng các công nghệ năng lượng mới (thủy triều, hydrogen, điện hạt nhân...).

Tăng cường sử dụng điện năng tại các trụ sở, văn phòng làm việc của PECC2 từ nguồn năng lượng tái tạo; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của PECC2.



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (Tiếp theo)



Duy trì, cải tiến liên tục và thực thi các chính sách, mục tiêu tích hợp các Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001-2015, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015, hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001-2018.

Phát triển dịch vụ, cung cấp các giải pháp cho khách hàng nhằm cắt giảm phát thải khí nhà kính, như: giải pháp tối ưu hóa vận hành các nhà máy nhiệt điện, giải pháp phối trộn nhiên liệu.

Thúc đẩy đầu tư và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cho các dự án nhà máy điện sinh khối.



ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG: đảm bảo nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi và an toàn lao động; tạo dựng môi trường làm việc tin cậy, công tác và thấu cảm; hỗ trợ và tạo điều kiện học hỏi, phát triển nghề nghiệp liên tục.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ: Đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời; đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi cổ đông, nhà đầu tư.

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG: Đảm bảo về chất lượng dịch vụ, sản phẩm; đem đến trải nghiệm khác biệt, trải nghiệm số; cung cấp các giải pháp thiết kế, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, tuân thủ các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC: Tôn trọng, công bằng và hợp tác cùng phát triển; tin cậy, minh bạch, cùng xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững.

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI: Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện; đóng góp vào việc tạo thêm việc làm và sự phát triển của các địa phương nơi PECC2 hoạt động.

ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN, CƠ QUAN NHÀ NƯỚC: Đóng góp vào ngân sách, tăng trưởng kinh tế; triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, chiến lược của Nhà nước, của Chính phủ về phát triển kinh tế nói chung và phát triển ngành năng lượng nói riêng; thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; thực hiện kinh doanh tuân thủ pháp luật.

CÁC SỐ LIỆU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2023 CỦA PECC2

Hơn **01** Tỷ đồng

Chăm lo cho các hộ nghèo, khó khăn, gia đình chính sách và người có công tại các địa phương PECC2 đóng trú hoặc làm dự án

1.203

Người lao động có thu nhập ổn định

ISO 45001-2018
ISO 14001-2015
ISO 9001-2015

52 **1.270**
Khóa học Lượt tham gia

Khai thác hệ thống
PECCC2 eLearning

Nhà máy Điện sinh khối Hậu Giang,
Nhà máy Điện Thác Bà 2
ĐƯỢC KHỞI CÔNG XÂY DỰNG

400 MWh
Điện mặt trời phục vụ
nhu cầu PIH

CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2023 TẠI PECC2

1

TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐỊA PHƯƠNG:

Năm 2023 các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Chăm lo cho 05 em học sinh lớp 7 có hoàn cảnh khó khăn do dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh từ tháng 10/2021 cho đến khi học xong lớp 12 (năm học 2022-2023: 120 triệu; năm học 2023-2024: 120 triệu).

Tài trợ, xây nhà tình nghĩa thuộc 03 huyện của tỉnh Quảng Nam với số tiền 400 triệu đồng.

Tài trợ xây nhà tình nghĩa tại tỉnh Bắc Kạn với số tiền 500 triệu đồng.

Thăm hỏi tặng quà hỗ trợ các gia đình chính sách và đồng bào dân tộc S'tiêng có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Bù Gia Mập tỉnh Bình Phước với số tiền 50 triệu đồng.

Động viên 5 em học sinh mồ côi do dịch bệnh Covid-19: 3,5 triệu đồng; Chăm lo các đối tượng chính sách nhân dịp Tết cổ truyền tại phường Trường Thọ (Tp. Thủ Đức): 10 triệu, tại phường Võ Thị Sáu (quận 3): 5 triệu đồng, tại phường Bình thọ (Tp. Thủ Đức): 3 triệu đồng; Thăm hỏi các gia đình chính sách nhân ngày 27/7 với số tiền 9,5 triệu đồng; ủng hộ khu phố 8, phường Trường Thọ nhân ngày tết thiếu nhi 1/6/2023 với số tiền 5 triệu đồng.



CÁC SỐ LIỆU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2023 CỦA PECC2

2 CHĂM LO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG PECC2:

- Chương trình bảo hiểm sức khỏe cho NLĐ, ngoài việc thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ kịp thời.
- Chương trình hoạt động thể dục thể thao diễn ra trong năm 2023.
- Chương trình khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho NLĐ, hoạt động đo không khí tại nơi làm việc, diệt côn trùng vệ sinh nơi công sở.
- Tổ chức các hoạt động chúc mừng sinh nhật tháng, chào mừng ngày 20/10, ngày 8/3, ngày Tết thiếu nhi, Tết Trung thu cho con em người lao động.
- Các hoạt động phúc lợi cho người lao động bị bệnh hiểm nghèo, có hoàn cảnh khó khăn.



3 THỰC HIỆN KIỂM TOÁN NỘI BỘ:

Bộ phận kiểm toán nội bộ kiểm toán các hoạt động quản trị, sản xuất kinh doanh,... tại các chi nhánh, đơn vị trực thuộc.



4 DUY TRÌ CHỨNG NHẬN CÁC HỆ THỐNG QUẢN LÝ THEO ISO:

Tiếp tục duy trì Chứng nhận các hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo ISO 45001-2018, hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001-2015 và hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001-2015.

5 KIẾN TẠO VĂN HÓA BỀN VỮNG:

Năm 2023, PECC2 tiếp tục thúc đẩy việc thực thi văn hóa thông qua việc số hóa các bài giảng văn hóa PECC2 đưa lên hệ thống PECC2 E-Learning để nhân sự học tập, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề/tọa đàm về Văn hóa PECC2 do Lãnh đạo Công ty chủ trì, tổ chức cuộc thi sáng tác câu chuyện Văn hóa PECC2 (PECC2 Culture Storytelling), gắn kết các đặc trưng Văn hóa PECC2 vào hoạt động hàng ngày của các Đơn vị, và tổ chức các hoạt động truyền thông Văn hóa trên website, bản tin và các phương tiện truyền thông của Công ty.

6 THÚC ĐẨY HỌC HỎI THƯỜNG XUYỀN, PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP TRONG PECC2:

Năm 2023, PECC2 tiếp tục triển khai chương trình Phát triển Nghề nghiệp PECC2 CPD gồm nhiều hình thức và hoạt động dựa trên 3 nhóm hoạt động chính để nhân sự chủ động tham gia phát triển chuyên môn và kỹ năng:

NHÓM HOẠT ĐỘNG “HỌC HỎI”

Gồm các khóa đào tạo nội bộ, đào tạo thuê đơn vị ngoài thực hiện, học tập trực tuyến, đào tạo dài hạn, hoạt động nghiên cứu khoa học.

NHÓM HOẠT ĐỘNG “PHÁT TRIỂN”

Gồm các hoạt động: Hội thảo, hội nghị, webinar, sinh hoạt chuyên đề nội bộ, các hoạt động văn – thể – mỹ, khuyến khích văn hóa đọc sách.

NHÓM HOẠT ĐỘNG “ĐÓNG GÓP”

Gồm các hoạt động: làm giảng viên đào tạo nội bộ; làm diễn giả tại các hội thảo, các buổi sinh hoạt chuyên đề; viết bài cho các tạp chí, bản tin do PECC2 phát hành; tham gia góp ý cho các cơ quan ban ngành về các tài liệu chuyên môn; đóng góp ý tưởng cải tiến công việc hoặc đề tài nghiên cứu khoa học.

Tổ chức nhiều hình thức đào tạo đa dạng, với:

52 KHÓA HỌC **1.270** LƯỢT NHÂN SỰ THAM GIA

7

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG:

PECC2 tiếp tục khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong năm 2023: triển khai mới 2 đề tài, nghiệm thu thành công 4 đề tài và khuyến khích các nhân sự/đơn vị đẩy mạnh tổ chức thực hiện các sáng kiến.

8

KHAI THÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐỂ CUNG CẤP ĐIỆN NĂNG CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA PECC2 VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH XANH:

PECC2 tiếp tục duy trì vận hành và lắp đặt thêm hệ thống điện mặt trời tại PIH cung cấp sản lượng điện cho vận hành hành PIH trong năm 2022 là

400 MWh

Góp vốn đầu tư nhà máy Thủy điện Thác Bà 2, Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang (khởi công 2022).

9

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ VÀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ SỐ:

Ứng dụng công nghệ Scan to Bim để tiếp tục cung cấp dịch vụ số hóa cho Nhà máy điện gió Tân Thuận, PIH và tìm kiếm khách hàng.



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ⑩⑧ Thông tin chung
- ⑩⑪ Báo cáo kiểm toán độc lập
- ⑩⑫ Bảng cân đối kế toán
- ⑩⑬ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ⑩⑭ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ⑩⑮ Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (“Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 21 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện, nhiệt điện và thủy điện; tư vấn lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là “EPC”) cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là “O&M”); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, năng lượng sinh khối, thủy điện và nhà máy điện chạy khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có năm (5) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- 1 Khối văn phòng bao gồm: Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng Tái tạo, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân và Ban quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- 2 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- 3 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Khu phố 8, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- 4 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- 5 Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên độc lập

Ban Kiểm toán nội bộ

Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng Ban
-------------------------------	------------

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Liên Hải	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Chơn Hùng và Ông Võ Văn Bình.

Bà Phạm Liên Hải, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được Ông Nguyễn Chơn Hùng ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 13 tháng 8 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



PHẠM LIÊN HẢI
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

TÔN THIỆN BẢO NGỌC
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.609.922.985.5631	2.098.129.113.741
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	127.329.031.923	198.299.196.901
111	1. Tiền		54.829.031.923	89.753.201.780
112	2. Các khoản tương đương tiền		72.500.000.000	108.545.995.121
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		145.000.000.000	146.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	145.000.000.000	146.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.241.292.754.775	1.628.470.632.510
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.178.538.447.369	1.591.390.266.802
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	34.514.249.084	16.815.076.221
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	78.529.681.705	64.971.777.049
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(50.289.623.383)	(44.706.487.562)
140	IV. Hàng tồn kho		72.386.965.450	83.958.011.477
141	1. Hàng tồn kho	9	72.386.965.450	87.406.165.659
149	1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(3.448.154.182)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		23.914.233.415	41.401.272.853
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	6.283.542.984	4.550.192.383
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		17.549.195.290	36.750.339.653
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước		81.495.141	100.740.817

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		851.122.544.747	890.625.561.488
210	I. Khoản phải thu dài hạn		2.073.191.943	1.950.978.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		2.073.191.943	1.950.978.000
220	II. Tài sản cố định		444.540.426.031	466.184.362.727
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	305.166.064.970	323.619.797.179
222	Nguyên giá		519.479.651.798	496.140.691.043
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(214.313.586.828)	(172.520.893.864)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	139.374.361.061	142.564.565.548
228	Nguyên giá		208.489.164.524	206.158.526.754
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(69.114.803.463)	(63.593.961.206)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		14.669.869.473	14.483.286.172
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	14.669.869.473	14.483.286.172
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	382.473.449.471	402.262.446.773
252	1. Đầu tư góp vốn công ty liên kết		394.037.700.000	394.037.700.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.024.050.600	37.901.650.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(53.588.301.129)	(29.676.903.827)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.365.607.829	5.744.487.816
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		6.504.235.091	5.364.281.416
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	861.372.738	380.206.400
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.461.045.530.310	2.988.754.675.229

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.127.315.847.579	1.632.445.126.016
310	I. Nợ ngắn hạn		1.086.718.507.736	1.595.899.189.785
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	476.428.962.667	1.104.997.406.013
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	49.677.771.955	44.847.858.640
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	17.249.968.694	8.023.556.936
314	4. Phải trả người lao động		159.890.903.401	116.313.331.297
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	26.607.159.346	49.614.382.273
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		358.354.786	751.354.786
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	69.269.623.960	60.562.871.605
320	8. Vay ngắn hạn	19	206.823.689.835	124.077.354.475
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	26.991.774.239	31.049.099.138
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	53.420.298.853	55.661.974.622
330	II. Nợ dài hạn		40.597.339.843	36.545.936.231
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	47.989.376
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	15	2.241.081.250	2.241.081.250
337	3. Phải trả dài hạn khác		1.511.330.028	-
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	20	36.844.928.565	34.115.421.833
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	141.443.772

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.333.729.682.731	1.356.309.549.213
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	1.333.679.157.334	1.356.259.023.816
411	1. Vốn cổ phần		675.261.650.000	675.261.650.000
411a	-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		675.261.650.000	675.261.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.922.641.050	4.922.641.050
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		12.641.457.169	12.641.457.169
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		380.193.662.909	380.193.662.909
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		260.653.058.006	283.232.924.488
421a	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		207.507.037.344	230.346.410.198
421b	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		53.146.020.662	52.886.514.290
422	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		6.688.200	6.688.200
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		50.525.397	50.525.397
431	1. Nguồn kinh phí		50.525.397	50.525.397
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.461.045.530.310	2.988.754.675.229



HOÀNG THUY HOÀI YẾN
Người lập
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2024



BÙI THỊ NGỌC LÝ
Kế toán trưởng



PHẠM LIÊN HẢI
Phó Tổng Giám đốc

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	1.061.339.545.659	1.322.050.620.541
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(852.156.442.184)	(1.136.168.727.554)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		209.183.103.475	185.881.892.987
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	26.272.282.863	32.195.098.767
22	5. Chi phí tài chính	25	(33.075.049.322)	(42.223.025.288)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.833.786.084)	(6.097.601.863)
25	6. Chi phí bán hàng	26	(1.731.306.963)	19.952.772.095
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(136.607.451.639)	(149.244.822.412)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		64.041.578.414	46.561.916.149
31	9. Thu nhập khác	27	4.511.113.298	18.804.920.779
32	10. Chi phí khác	27	(3.045.326.230)	(2.020.447.134)
40	11. Lợi nhuận khác	27	1.465.787.068	16.784.473.645
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.507.365.482	63.346.389.794

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(12.842.511.158)	(10.164.799.053)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.1	481.166.338	(295.076.451)
60	15. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		53.146.020.662	52.886.514.290
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.5	787	662
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.5	787	662


NGUYỄN THỤY MỸ DUYÊN
Người lập
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2024


BÙI THỊ NGỌC LÝ
Kế toán trưởng


PHẠM LIÊN HẢI
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.507.365.482	63.346.389.794
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11	47.471.722.221	44.579.725.101
03	Các khoản dự phòng		24.718.560.774	11.607.987.494
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		507.204.761	3.909.757.828
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(23.086.111.735)	(29.115.514.311)
06	Chi phí lãi vay	25	6.833.786.084	6.097.601.863
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		121.952.527.587	100.425.947.769
09	Giảm các khoản phải thu		400.863.090.171	1.129.077.200.766
10	Giảm hàng tồn kho		15.019.200.209	212.868.681.380
11	Giảm các khoản phải trả		(654.707.862.223)	1.400.934.202.619)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(2.873.304.276)	893.746.511
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.937.917.933)	(5.659.918.688)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(11.979.879.549)	(25.411.381.322)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		50.000.000	119.453.651
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.092.252.378)	(3.262.195.589)

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(149.706.398.392)	8.117.331.859
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(20.544.575.231)	(43.436.415.972)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	23.400.000
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(78.000.000.000)	(106.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		79.000.000.000	154.034.492.305
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(4.122.400.000)	(75.597.250.000)
27	Tiền lãi nhận được		14.146.864.719	13.919.789.315
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(9.520.110.512)	(57.055.984.352)

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền thu từ đi vay		310.400.680.523	291.843.219.888
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(223.614.947.132)	(321.444.747.674)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22.3	(68.825.600)	(44.874.869.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		86.716.907.791	(74.476.396.786)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(72.509.601.113)	(123.415.049.279)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		198.299.196.901	319.646.400.604
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.539.436.135	2.067.845.576
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	127.329.031.923	198.299.196.901


DƯƠNG THỊ NGỌC ANH
Người lập
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2024


BÙI THỊ NGỌC LÝ
Kế toán trưởng


PHẠM LIÊN HẢI
Phó Tổng Giám đốc

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN CHƠN HÙNG
Chủ tịch HĐQT
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (“Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0300420157 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 21 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch TV2 theo Quyết định Số 134/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn nguồn điện, nhiệt điện và thủy điện; tư vấn lưới điện và khảo sát; hoạt động tổng thầu (sau đây gọi tắt là “EPC”) cho các dự án năng lượng, gia công chế tạo thiết bị nhà máy điện, cung cấp dịch vụ quản lý vận hành nhà máy điện (sau đây gọi tắt là “O&M”); và đầu tư vào nhà máy điện năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện, năng lượng sinh khối và nhà máy điện chạy khí.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty có năm (5) đơn vị trực thuộc bao gồm:

- Khối văn phòng bao gồm Văn phòng chính, Trung tâm Tư vấn Lưới điện, Trung tâm Tư vấn Thủy điện và Năng lượng Tái tạo, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện và Điện hạt nhân và Ban quản lý dự án EPC tọa lạc Số 45, Đường số 2, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Khảo sát và Xây dựng tọa lạc tại Số 45, Đường Dân Chủ, Khu phố 2, Phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Cơ điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Khu phố 8, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Chi nhánh Vận hành và Bảo trì Nhà máy điện tọa lạc tại Số 45, Đường số 2, Khu phố 8, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tại Myanmar tọa lạc tại số 9FL, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.213 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.081).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Hàng tồn kho	Phương pháp xác định giá trị
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa.	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được tập hợp theo từng công trình

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

(Tiếp theo)

3.4

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao do thời gian sử dụng là lâu dài.

3.7

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.9

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(Tiếp theo)*

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo văn phòng;
- Chi phí bảo hiểm; và
- Chi phí trả trước khác.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công việc xây lắp hoàn thành đã cung cấp tròng năm tài chính. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn khảo sát, máy móc thiết bị và dịch vụ xây lắp, vận hành nhà máy điện, bán điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Tiền mặt	2.069.969.240	1.657.850.592
Tiền gửi ngân hàng	52.759.062.683	52.759.062.683
Các khoản tương đương tiền (*)	72.500.000.000	108.545.995.121
TỔNG CỘNG	127.329.031.923	198.299.196.901

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc từ một (1) đến ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2,3% đến 3,2%/năm.

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 2.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức với số tiền là 66.131.995.700 đồng (Thuyết minh số 22.3) không trực tiếp sử dụng tiền hay các khoản tương đương tiền mà thông qua khoản vay được giải ngân trong năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và kỳ hạn còn lại dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,6%/năm đến 6,4%/năm.

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 10.000.000.000 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 30)	769.850.926.725	1.262.993.158.969
Phải thu từ các bên khác	408.687.520.644	328.397.107.833
Công ty TNHH Vận hành Phát điện CHD Việt Nam	127.998.639.077	27.107.141.198
Khách hàng khác (*)	280.688.881.567	301.289.966.635
TỔNG CỘNG	1.178.538.447.369	1.591.390.266.802
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(49.864.971.133)	(44.281.835.312)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.128.673.476.236	1.547.108.431.490

(*) Một số khoản phải thu của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội như được trình bày tại TM số 19.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC(VND)
Số đầu năm	44.281.835.312	26.593.896.325
Dự phòng trích lập trong năm	17.717.022.915	18.030.919.292
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(12.133.887.094)	(342.980.305)
Số cuối năm	49.864.971.133	44.281.835.312

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG*(Tiếp theo)*

Chi tiết các khoản nợ dự phòng:

	SỐ CUỐI NĂM (VND)		SỐ ĐẦU NĂM (VND)	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vạn Hành Phát Điện CHD Việt Nam	127.998.639.077	15.896.733.943	112.101.905.134	15.955.134.453
Công ty TNHH Hamon Việt Nam	5.391.339.686	5.391.339.686	-	4.718.584.612
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	6.495.908.371	5.274.881.100	1.221.027.271	1.781.128.226
Công ty TNHH Nippon Koei VN international	3.814.276.563	2.969.993.594	844.282.969	2.269.993.594
Ban QLDA Điện 3	6.257.090.351	2.816.253.280	3.440.837.071	7.020.865.084
Hamon Research - Cottrell S.A - Italian Branch	1.841.936.492	1.774.706.956	67.229.536	13.369.510
Công ty Cổ phần Kosy	1.560.909.091	1.503.636.364	57.272.727	836.454.545
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng 470	1.428.363.789	1.428.363.789	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Đam BRi	1.249.253.768	1.249.253.768	-	-
Ban QLDA Nhiệt điện 3	1.182.267.759	1.182.267.759	-	131.679.725
Ban Quản lý Dự án ("QLDA") Các Công trình Điện Miền Bắc	33.453.715.570	-	33.453.715.570	20.194.378.861
CEEC GEDI	1.780.877.444	-	1.780.877.444	3.085.784.834
Các bên khác	15.205.942.257	10.377.540.894	4.828.401.363	43.492.129.992
TỔNG CỘNG	207.660.520.218	49.864.971.133	157.795.549.085	99.499.503.436

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Trả trước cho các nhà cung cấp	34.502.592.084	16.797.693.373
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Máy cơ khí Nông nghiệp Tây Đô	5.641.747.200	-
Công ty Cổ phần Điện Trường Giang	4.477.199.967	-
Đoàn đo đạc biên vẽ hải đồ và nghiên cứu biển	3.624.544.927	-
Nhà cung cấp khác	20.759.099.990	16.797.693.373
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 30)	11.657.000	17.382.848
TỔNG CỘNG	34.514.249.084	16.815.076.221
Dự phòng phải thu ngắn hạn nợ phải thu khó đòi	(424.652.250)	(424.652.250)
GIÁ TRỊ THUẦN	34.089.596.834	16.390.423.971

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Số đầu năm	424.652.250	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	424.652.250
Số cuối năm	424.652.250	424.652.250

8. PHẢI THU KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Ngắn hạn	78.529.681.705	64.971.777.049
Lãi trả chậm thu hộ	59.604.117.021	51.853.844.456
Tạm ứng cho nhân viên	9.699.467.189	4.927.956.901
Phải thu cổ tức	4.370.512.500	4.370.512.500
Phải thu liên quan dự án	2.919.133.417	2.147.474.945
Lãi tiền gửi	544.649.314	709.171.712
Khác	1.391.802.264	962.816.535
Dài hạn	2.073.191.943	1.950.978.000
Ký quỹ, ký cược	2.073.191.943	1.950.978.000
TỔNG CỘNG	80.602.873.648	66.922.755.049
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 30)	63.974.629.521	56.224.356.956
Phải thu các bên khác	16.628.244.127	10.698.398.093

9. HÀNG TỒN KHO

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.620.294.321	74.659.737.392
Công trình Nhà máy Điện gió Tân Thuận (*)	12.375.827.951	6.463.299.266
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Mở rộng	8.071.308.566	6.291.294.609
Dự án Nhà máy điện Masinloc Unit 4-5	7.130.537.686	-
Các công trình lưới điện	6.125.514.766	3.677.872.641
Các công trình khác (*)	23.917.105.352	58.227.270.876
Nguyên vật liệu	12.756.143.102	11.383.106.518
Công cụ, dụng cụ	368.616.881	806.801.910
Hàng hóa	1.641.911.146	556.519.839
TỔNG CỘNG	72.386.965.450	87.406.165.659
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.448.154.182)
GIÁ TRỊ THUẦN	72.386.965.45072	83.958.011.477

(*) Một số hàng tồn kho của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội như được trình bày tại TM số 19.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Tổng cộng	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc thiết bị	Nhà cửa và vật kiến trúc
Nguyên giá:					
Số đầu năm	496.140.691.043	53.024.889.041	43.043.641.155	177.763.515.301	222.308.645.546
Mua mới trong năm	15.363.653.409	1.612.860.455	363.420.000	13.387.372.954	-
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành (TM số 12)	3.346.122.705	-	-	3.346.122.705	-
Phân loại lại	4.440.061.347	(11.444.264.835)	-	1.096.143.610	14.788.182.572
Tặng khác	347.310.294	-	-	347.310.294	-
Xóa sổ	(158.187.000)	(66.650.000)	-	(91.537.000)	-
Số cuối năm	519.479.651.79	43.126.834.661	43.407.061.155	195.848.927.864	237.096.828.118
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	88.667.015.089	7.332.913.285	26.415.100.266	36.931.598.277	17.987.403.261
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(172.520.893.864)	(20.436.296.984)	(35.178.034.019)	(75.530.960.233)	(41.375.602.628)
Khấu hao trong năm	(41.950.879.964)	(7.339.458.940)	(2.275.123.827)	(20.815.467.097)	(11.520.830.100)
Phân loại lại	-	2.642.825.807	-	(72.930.927)	(2.569.894.880)
Xóa sổ	158.187.000	66.650.000	-	91.537.000	-
Số cuối năm	(214.313.586.828)	(25.066.280.117)	(37.453.157.846)	(96.327.821.257)	(55.466.327.608)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	323.619.797.179	32.588.592.057	7.865.607.136	102.232.555.068	180.933.042.918
Số cuối năm	305.166.064.970	18.060.554.544	5.953.903.309	99.521.106.607	181.630.500.510

Một số tài sản cố định của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam như được trình bày tại TM số 19.1.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (VND) (*)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
Nguyên giá:			
Số đầu năm	157.748.193.775	48.410.332.979	206.158.526.754
Mua mới trong năm	-	2.330.637.770	2.330.637.770
Số cuối năm	157.748.193.775	50.740.970.749	208.489.164.524
Trong đó: Đã khấu hao hết	-	37.114.503.354	37.114.503.354
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(18.186.221.701)	(45.407.739.505)	(63.593.961.206)
Hao mòn trong năm	(3.088.858.632)	(2.431.983.625)	(5.520.842.257)
Số cuối năm	(21.275.080.333)	(47.839.723.130)	(69.114.803.463)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	139.561.972.074	3.002.593.474	142.564.565.548
Số cuối năm	136.473.113.442	2.901.247.619	139.374.361.061

(*) Đây là quyền sử dụng đất tại Số 32 Đường Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố theo Hợp đồng Số 02/HĐMBN-QLKQN ký ngày 16 tháng 1 năm 2017. Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan và đang thực hiện các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Điện mặt trời áp mái Long Khánh	6.307.501.655	6.307.501.655
Tòa nhà văn phòng PECC2 Tower - Số 32, Đường Ngô Thời Nhiệm	4.540.001.285	4.540.001.285
Khu văn phòng phục vụ Dự án Nhà máy Điện sinh khối Hậu Giang	2.962.654.599	-
Các công trình khác	859.711.934	3.635.783.232
TỔNG CỘNG	14.669.869.473	14.483.286.172

(*) Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang thay đổi trong năm như sau:

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Số đầu năm	14.483.286.172	42.146.789.160
Tăng trong năm	5.962.618.031	26.795.295.641
Hoàn thành và chuyển sang tài sản cố định hữu hình (TM số 10)	(3.346.122.705)	(53.457.982.666)
Phân loại lại	872.327.552	-
Giảm khác	(3.302.239.577)	(1.000.815.963)
Số cuối năm	14.669.869.473	14.483.286.172

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 13.1)	394.037.700.000	394.037.700.000
Đầu tư vào các đơn vị khác (TM số 13.2)	42.024.050.600	37.901.650.600
TỔNG CỘNG	436.061.750.600	431.939.350.600
Dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn (TM số 13.2)	(53.588.301.129)	(29.676.903.827)
GIÁ TRỊ THUẦN	382.473.449.471	402.262.446.773

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
			Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Giá trị gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau ("CMC") (*)	Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau		25,11	228.885.000.000	(53.588.301.129)	25,17	228.885.000.000	(29.676.903.827)
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Xã Sơn Mỹ, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng	25,00	87.410.250.000	-	25,00	87.410.250.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Thị Trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái		45,00	77.742.450.000	-	45,00	77.742.450.000	-
TỔNG CỘNG				394.037.700.000 (53.588.301.129)			394.037.700.000 (29.676.903.827)	

(*) Khoản dự phòng vào CMC được Ban Tổng Giám đốc đánh giá trên nguyên tắc thận trọng dựa trên khoản lỗ lũy kế của CMC tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tương ứng với tỷ lệ góp vốn của công ty vào CMC. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản lỗ phát sinh tại CMC là khoản lỗ trong kế hoạch do thời gian đầu vận hành Nhà máy điện gió Tân Thuận. Ban Tổng Giám đốc Công ty kỳ vọng dự án sẽ bắt đầu phát sinh lợi nhuận vào năm tài chính 2024 và bù đắp dần khoản lỗ lũy kế này đến hết năm tài chính 2025.

13.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Công ty	SỐ CUỐI NĂM				SỐ ĐẦU NĂM			
	Giá trị gốc (VND)	Giá hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị gốc (VND)	Giá hợp lý (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Các công ty niêm yết	18.406.850.600	63.968.594.975			18.406.850.600	57.739.668.516		
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	16.750.000.000	60.009.859.377	-	5	16.750.000.000	54.389.497.596	-	5
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	1.656.850.600	3.958.735.598	-	0.45	1.656.850.600	3.350.170.920	-	0.45
Các công ty khác	23.617.200.000	(*)			19.494.800.000	(*)		
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	21.617.200.000	(*)	-	10	17.494.800.000	(*)	-	10
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh	2.000.000.000	(*)	-	10	2.000.000.000	(*)	-	10
TỔNG CỘNG	42.024.050.600		-		37.901.650.600		-	

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá một cách chính thức. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị tổn thất dựa trên kế hoạch phát triển và tiến độ thực hiện dự án của các công ty này.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Phải trả cho các bên khác	475.064.013.370	1.103.530.948.040
China Shanxi Electric Power Engineering Co., Ltd	300.620.335.880	976.375.623.604
Nhà cung cấp khác	174.443.677.490	127.155.324.436
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 30)	1.364.949.297	1.466.457.973
TỔNG CỘNG	4.764.289.626.674	1.104.997.406.013

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Ngắn hạn	49.677.771.955	44.847.858.640
Người mua trả tiền trước	36.157.993.923	33.877.805.276
Lane Xang Property & Power Development Co., Ltd	9.086.000.000	9.086.000.000
Khách hàng khác	27.071.993.923	24.791.805.276
Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 30)	13.519.778.032	10.970.053.364
Dài hạn	2.241.081.250	2.241.081.250
Công ty Cổ phần Thủy điện Mỹ Lý - Nậm Mô	2.241.081.250	2.241.081.250
TỔNG CỘNG	51.918.853.205	47.088.939.890

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.310.610.830	111.088.651.649	(103.599.742.859)	12.799.519.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.428.046.619	12.842.511.158	(11.979.879.549)	2.290.678.228
Thuế thu nhập cá nhân	1.284.899.487	18.762.872.241	(17.888.000.882)	2.159.770.846
Thuế khác	-	4.425.321.935	(4.425.321.935)	-
TỔNG CỘNG	8.023.556.936	147.119.356.983	(102.116.943.461)	17.249.968.694
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	36.750.339.653	59.350.482.780	(78.551.627.143)	17.549.195.290
Thuế thu nhập cá nhân	100.740.817	53.365.603	(72.611.279)	81.495.141
TỔNG CỘNG	36.851.080.470	59.403.848.383	(78.624.238.422)	17.630.690.431

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Trích trước chi phí dự án	24.966.327.972	45.860.482.141
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	5.572.811.580	-
Dự án Nhà máy điện gió Tân Thuận	4.291.613.273	13.066.937.044
Các công trình lưới điện	3.400.085.158	-
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Mở rộng	2.063.992.583	12.668.267.391
Dự án nhà máy Nhiệt điện Vân Phong 1	544.860.000	11.048.592.136
Các dự án khác	9.092.965.378	9.076.685.570
Lãi vay	327.515.924	2.609.073.511
Chi phí khác	1.313.315.450	1.144.826.621
TỔNG CỘNG	26.607.159.346	49.614.382.273

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Lãi trả chậm thu hộ phải trả (TM số 8)	59.606.161.057	51.853.844.456
Phải trả liên quan dự án	1.810.362.956	788.749.458
Cổ tức phải trả	890.820.821	723.531.000
Kinh phí công đoàn	326.479.105	2.024.659.257
Khác	6.635.800.021	5.172.087.434
TỔNG CỘNG	69.269.623.960	60.562.871.605

19. VAY NGẮN HẠN

Ngân hàng	Số đầu năm (VND)	Vay trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Phân loại lại (VND)	Số cuối năm (VND)
Vay ngân hàng (TM số 19.1)	102.945.718.907	310.400.680.523	(222.582.818.646)	-	190.763.580.784
Vay nhân viên (TM số 19.2)	3.802.400.000	-	(2.814.742.108)	15.072.451.159	16.060.109.051
Vay dài hạn từ nhân viên đến hạn phải trả	17.329.235.568	-	2.256.784.409)	(15.072.451.159)	-
TỔNG CỘNG	124.077.354.475	310.400.680.523	(227.654.345.163)	-	206.823.689.835

19.1 Vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%) / năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("VCB")	66.131.995.700	Ngày 14 tháng 6 năm 2024	3,7	Tín chấp
	31.891.172.391	Từ ngày 17 tháng 6 năm 2024 đến 25 tháng 6 năm 2024	3,7	Tín chấp
	20.616.220.242	Từ ngày 17 tháng 6 năm 2024 đến 21 tháng 8 năm 2024	4,2 - 4,8	Dây chuyền cắt thép và dây chuyền đột lỗ thép tấm điều khiển tại Chi nhánh Cơ điện (TM số 10); Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (TM số 5)
	18.696.940.562	Từ ngày 30 tháng 1 năm 2024 đến ngày 7 tháng 6 năm 2024	8,4 – 9,3	
	2.529.852.228	Ngày 15 tháng 12 năm 2024	4,2	Quyền đòi toàn bộ khoản nợ/ khoản thanh toán đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai từ Dự án Nhà máy điện Sinh khối Hậu Giang
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("BIDV")				

19.1 Vay ngân hàng (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%) / năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	13.090.040.935	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2024 đến 18 tháng 3 năm 2024	5,8 – 7,0	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank")	11.185.030.369	Từ ngày 15 tháng 2 năm 2024 đến 15 tháng 3 năm 2024	6,0 – 6,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 ("MB")	10.957.918.406	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2024 đến ngày 28 tháng 6 năm 2024	8,0	Hàng hóa/ sản lượng dở dang và quyền đòi nợ từ phương án MB tài trợ/ Hàng tồn kho luân chuyển/ Quyền đòi nợ đã hình thành.
	10.418.289.039	Ngày 12 tháng 6 năm 2024	4,8	Quyền đòi toàn bộ khoản nợ/ khoản thanh toán đã hình thành (hiện có), hình thành trong tương lai từ Dự án Nhà máy Điện gió Tân Thuận (75MW).
	5.246.120.912	Từ ngày 17 tháng 4 năm 2024 đến 27 tháng 6 năm 2024	5,8 – 7,5,	Tín chấp
TỔNG CỘNG	190.763.580.784			

19.2 Vay nhân viên

Đây là các khoản vay dài hạn tín chấp người lao động chịu lãi suất 1%/năm, đến hạn từ ngày 28 tháng 3 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Ngắn hạn	26.991.774.239	31.049.099.138
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng	22.293.413.920	22.400.443.368
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Gio Thành 1	2.405.831.692	2.974.830.555
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Gio Thành 2	-	2.619.643.507
Khác	2.292.528.627	3.054.181.708
Dài hạn	36.844.928.565	34.115.421.833
Dự án Nhà máy Điện gió Tân Thuận	29.430.245.795	29.145.121.408
Dự án Nhà máy Điện than Vân Phong 1	4.458.144.141	3.336.861.650
Dự án Nhà máy điện sinh khối Hậu Giang	2.467.280.291	-
Khác	489.258.338	1.633.438.775
TỔNG CỘNG	63.836.702.804	65.164.520.971

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải trả:

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Số đầu năm	65.164.520.971	104.794.182.723
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.198.905.828	7.493.897.149
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.924.115.783)	(38.647.553.825)
Trừ: Sử dụng trong năm	(602.608.212)	(8.476.005.076)
Số cuối năm	63.836.702.804	65.164.520.971

21 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Số đầu năm	55.661.974.622	33.804.179.737
Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (TM số 22.1)	8.199.722.144	27.770.644.885
Tặng khác	50.000.000	-
Sử dụng quỹ	(10.491.397.913)	(5.912.850.000)
Số cuối năm	53.420.298.853	55.661.974.622

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Tổng cộng	Nguồn vốn ầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư và phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn cổ phần
Năm trước							
Số đầu năm	6.688.200	6.688.200	447.519.155.853	460.889.943.139	12.641.457.169	4.922.641.050	450.181.410.000
Tăng vốn	-	-	-	(135.047.570.000)	-	-	135.047.570.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(90.032.670.000)	-	-	-	90.032.670.000
Cổ tức công bố	(45.018.141.000)	-	(45.018.141.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	52.886.514.290	-	52.886.514.290	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	(54.351.289.770)	54.351.289.770	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(27.175.644.885)	-	(27.175.644.885)	-	-	-	-
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	(595.000.000)	-	(595.000.000)	-	-	-	-
Số cuối năm	6.688.200	6.688.200	283.232.924.488	380.193.662.909	12.641.457.169	4.922.641.050	675.261.650.000
Năm nay							
Số đầu năm	6.688.200	6.688.200	283.232.924.488	380.193.662.909	12.641.457.169	4.922.641.050	675.261.650.000
Lợi nhuận thuần trong năm	53.146.020.662	-	53.146.020.662	-	-	-	-
Cổ tức công bố	(67.526.165.000)	-	(67.526.165.000)	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.199.722.144)	-	(8.199.722.144)	-	-	-	-
Số cuối năm	6.688.200	6.688.200	260.653.058.006	380.193.662.909	12.641.457.169	4.922.641.050	675.261.650.000

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	SỐ ĐẦU NĂM VÀ SỐ CUỐI NĂM		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	%
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	34.659.057	346.590.570.000	51,33
Các cổ đông khác	32.867.108	328.671.080.000	48,67
TỔNG CỘNG	67.526.165	675.261.650.000	100

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	675.261.650.000	450.181.410.000
Vốn góp tăng trong năm:	-	225.080.240.000
- Từ quỹ đầu tư và phát triển	-	135.047.570.000
- Từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	90.032.670.000
Số cuối năm	675.261.650.000	675.261.650.000
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã công bố (*)	67.526.165.000	135.050.811.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	66.200.821.300	134.907.539.000

22.4 Cổ phiếu

	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	
	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	67.526.165	67.526.165
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.526.165	67.526.165
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.526.165	67.526.165

22.5 Lãi trên cổ phiếu

Lợi nhuận và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lỗ cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)	Năm trước (đã trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	53.146.020.662	52.886.514.290	52.886.514.290
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (i)	-	(8.199.722.144)	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	53.146.020.662	44.686.792.146	52.886.514.290
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	67.526.165	67.526.165	67.526.165
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	787	662	783
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	787	662	783

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.T

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	969.517.328.421	1.146.610.897.596
Doanh thu hoạt động gia công cơ khí	71.804.075.500	152.732.574.107
Doanh thu bán điện	19.957.961.572	22.371.039.430
Doanh thu khác	60.180.166	336.109.408
TỔNG CỘNG	1.061.339.545.659	1.322.050.620.541
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (TM số 30)	545.117.629.109	608.315.707.101
Doanh thu đối với bên khác	516.221.916.550	713.734.913.440

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Lãi tiền gửi và cho vay	10.284.530.625	10.357.577.179
Lãi cho các khoản thanh toán chậm	9.094.037.908	10.972.849.586
Cổ tức được chia	3.707.543.202	7.652.733.475
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.186.171.128	3.102.984.456
Doanh thu tài chính khác	-	108.954.071
TỔNG CỘNG	26.272.282.863	32.195.098.767

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	773.107.765.489	967.451.006.152
Giá vốn hoạt động gia công cơ khí	65.353.857.288	147.943.233.201
Giá vốn bán điện	13.694.819.407	20.699.608.201
Giá vốn khác	-	74.880.000
TỔNG CỘNG	852.156.442.184	1.136.168.727.554

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	23.911.397.302	29.676.903.827
Chi phí lãi vay	6.833.786.084	6.097.601.863
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.005.893.079	6.448.519.598
Khác	323.972.857	-
TỔNG CỘNG	33.075.049.322	42.223.025.288

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Chi phí bán hàng	1.731.306.963	(19.952.772.095)
Dự phòng (hoàn nhập lập dự phòng) bảo hành	1.569.563.15	(20.197.766.808)
Khác	161.743.809	244.994.713
Chi phí quản lý doanh nghiệp	136.607.451.639	149.244.822.412
Chi phí nhân công	50.775.914.987	44.125.874.182
Chi phí khấu hao và hao mòn	18.370.444.201	18.308.866.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.064.942.054	12.988.247.584
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.583.135.821	18.112.591.237
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	3.949.808.638	11.147.200.941
Thuế, phí và lệ phí	3.301.695.658	3.594.814.469
Chi phí khác	36.561.510.280	40.967.227.259
TỔNG CỘNG	138.338.758.602	129.292.050.317

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Thu nhập khác	4.511.113.298	18.804.920.779
Hoàn nhập dự phòng bảo hành không sử dụng	3.924.115.783	18.166.748.424
Khác	586.997.515	638.172.355
Chi phí khác	(3.045.326.230)	(2.020.447.134)
Các khoản phạt	(2.790.635.280)	(1.673.126.433)
Chi phí khác	(254.690.950)	(347.320.701)
LỢI NHUẬN KHÁC	1.465.787.068	16.784.473.645

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Chi phí nhân công	390.815.552.384	308.752.454.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.064.569.914	533.602.663.571
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.076.531.577	91.324.380.252
Chi phí khấu hao và hao mòn	47.471.722.221	44.579.725.101
Chi phí dự phòng	7.152.698.975	(2.085.175.571)
Chi phí khác	97.911.978.644	109.864.492.867
TỔNG CỘNG	973.493.053.715	1.086.038.540.714

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty như sau:

- Mức thuế suất 10% thu nhập chịu thuế áp dụng cho hoạt động kinh doanh bán điện từ các Dự án Nhà máy điện mặt trời (“Các dự án”) trong mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất phổ thông tương ứng cho các năm tiếp theo. Các dự án được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% đối với thuế suất TNDN trong chín (9) năm tiếp theo; và
- Mức thuế suất 20% thu nhập chịu thuế áp dụng cho các hoạt động kinh doanh khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.817.353.757	10.278.090.319
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	1.025.157.401	(113.291.266)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(481.166.338)	295.076.451
TỔNG CỘNG	12.361.344.820	10.459.875.504

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	NĂM NAY (VND)	NĂM TRƯỚC (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.507.365.482	63.346.389.794
Thuế TNDN áp dụng cho Công ty	13.101.473.096	12.669.277.959
Các khoản điều chỉnh:		
Ưu đãi thuế	(619.416.121)	(268.875.120)
Thu nhập từ cổ tức	(741.508.640)	(1.530.546.695)
Chi phí không được trừ	405.290.613	187.500.775
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	1.025.157.401	(113.291.266)
Khác	(809.651.529)	(484.190.149)
Chi phí thuế TNDN	12.361.344.820	10.459.875.504

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Dự phòng bảo hành	481.166.338	-	481,166,338	-
Chi phí phải trả	380.206.400	380.206.400	-	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	(295.076.451)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	861.372.738	380.206.400	-	-
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			481.166.338	(295.076.451)

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Công ty mẹ:			
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”)	Cung cấp dịch vụ	1.597.055.150	305.285.818
Công ty liên kết:			
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	Cung cấp dịch vụ	72.552.809.793	426.596.023.418
	Chi hộ	38.971.118.063	51.853.844.456
	Thu nhập tiền lãi	9.094.037.908	10.972.849.586
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Cung cấp dịch vụ	15.632.836.205	12.566.450.351
	Góp vốn	-	58.102.450.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	Cung cấp dịch vụ	7.217.682.888	9.312.148.529
	Nhận cổ tức	-	4.370.512.500
Đầu tư khác:			
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	Cung cấp dịch vụ	246.728.029.029	4.928.875.497
	Góp vốn	4.112.400.000	15.494.800.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Nhận cổ tức	3.276.759.602	2.520.065.375
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Trà Vinh	Cung cấp dịch vụ	4.593.095.238	-
	Góp vốn	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Nhận cổ tức	430.783.600	762.155.600
Công ty trong cùng Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Tập đoàn”):			
Ban Quản lý Dự án (“QLDA”) các công trình điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	57.433.198.749	38.936.504.498
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Cung cấp dịch vụ	49.716.601.679	26.840.107.947
Công ty Mua bán điện- EVN	Cung cấp dịch vụ	17.473.419.508	17.065.289.776
Chi nhánh Tổng Công ty (CN TCT) Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) TNHH - Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	Cung cấp dịch vụ	10.715.853.885	1.945.784.185

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong năm nay và năm trước bao gồm: (Tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	9.874.490.177	11.074.039.310
Ban QLDA Điện 3	Cung cấp dịch vụ	5.669.515.454	4.968.685.531
Công ty Truyền tải Điện 1	Cung cấp dịch vụ	5.443.710.771	7.040.572.928
	Điều chỉnh giảm cung cấp dịch vụ	-	-
Công ty Thủy điện Huội Quảng - Bản Chát - Chi nhánh EVN	Cung cấp dịch vụ	4.744.599.021	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Cung cấp dịch vụ	4.484.179.037	3.099.847.263
Tổng Công ty Điện lực Thành Phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	4.134.647.368	9.595.794.498
Công ty Thủy điện Đồng Nai - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	3.091.721.155	3.362.776.800
Ban QLDA Điện 3	Cung cấp dịch vụ	2.872.396.671	2.874.430.484
Công ty Điện lực Thủ Đức	Mua dịch vụ	2.631.916.436	2.317.559.917
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	Cung cấp dịch vụ	2.484.542.064	2.265.894.071
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	Cung cấp dịch vụ	2.461.841.803	10.225.096.299
Công ty Truyền tải điện 4	Cung cấp dịch vụ	2.075.317.016	1.955.084.121
Công ty Cổ phần Thủy điện Đại Ninh – CN TCT Phát điện 1	Cung cấp dịch vụ	1.989.836.100	1.988.109.000
Công ty Thủy điện Sơn La	Cung cấp dịch vụ	1.747.466.000	390.898.764
Ban QLDA Điện lực Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.128.456.377	5.057.381.909
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	Cung cấp dịch vụ	1.099.478.524	-
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Cung cấp dịch vụ	982.682.182	1.403.824.500
Công ty Truyền tải Điện 3	Mua dịch vụ	936.771.818	2.396.319.091
	Cung cấp dịch vụ	-	71.911.342
Công ty Thủy điện Ialy - EVN	Cung cấp dịch vụ	762.215.488	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	761.991.499	-
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 – Chi nhánh EVN	Mua dịch vụ	722.206.658	866.647.989

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Danh mục các bên liên quan và các giao dịch trọng yếu với Công ty (nếu có) trong năm nay và năm trước bao gồm: (Tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Công ty Truyền tải Điện 2	Mua dịch vụ	585.669.612	585.669.612
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - EVN	Mua dịch vụ	489.899.613	469.798.092
Công ty Điện lực Phú Thọ	Mua dịch vụ	466.557.279	224.064.397
Trường Cao Đẳng Điện lực Thành Phố Hồ Chí Minh	Mua dịch vụ	454.563.600	-
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN TCT Phát Điện 1	Cung cấp dịch vụ	360.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khách Sạn - Du Lịch Và Dịch Vụ Thương Mại Điện Lực	Mua dịch vụ	346.379.125	54.343.096
Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Trung	Mua dịch vụ	340.627.479	576.563.422
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	Cung cấp dịch vụ	340.363.636	409.090.909
Công ty Điện lực Sài Gòn	Mua dịch vụ	205.000.340	188.996.497
Công ty Điện lực Trà Vinh	Mua dịch vụ	125,132,659	-
Công ty Điện lực Bình Thuận	Mua dịch vụ	114.961.271	31.396.727
CN TCT Thí nghiệm Điện Miền Nam	Mua dịch vụ	30.000.000	319.000.000
Công ty Điện lực Lâm Đồng	Mua dịch vụ	1.658.774	4.004.332
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	Điều chỉnh giảm cung cấp dịch vụ	(165.445.858)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Cung cấp dịch vụ	-	2.577.411.136
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San - Chi nhánh EVN	Cung cấp dịch vụ	-	678.844.874
CN TCT Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	Cung cấp dịch vụ	-	492.997.235
Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	Mua dịch vụ	-	487.882.875
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	Cung cấp dịch vụ	-	329.376.446

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng về cung cấp dịch vụ (tiếp theo)</i>		
Công ty trong cùng Tập đoàn: (tiếp theo)		
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN TCT Phát Điện 1	388.800.000	-
Ban QLDA Thủy điện 6 – Chi nhánh EVN	317.460.939	317.460.939
Công ty Phát triển Thủy điện Sê San - Chi nhánh EVN	183.168.000	183.168.000
Công ty Truyền tải điện 1	149.235.198	237.504.903
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	138.972.373	138.972.373
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2 – CN TCT Phát điện 2	90.501.000	416.473.718
CN TCT Điện lực TP.HCM - Công ty Lưới điện cao thế TP.HCM	77.266.824	93.274.235
Công ty Thủy điện Đồng Nai – CN TCT Phát điện 1	44.667.958	2.835.519.102
Tổng Công ty Phát điện 1	22.409.661	22.409.661
Công ty Điện lực Kiên Giang	14.036.017	14.036.017
Công ty Truyền tải điện 2	219.621	219.621
Ban QLDA Điện 2	-	678.150.000
Công ty Thủy điện Trị An – Chi nhánh EVN	-	543.921.430
Công ty Thủy điện Sơn La	-	422.170.665
Công ty Thủy điện Tuyên Quang	-	355.726.562
	769.850.926.725	1.262.993.158.969
<i>Phải thu ngắn hạn khác về chi hộ</i>		
Công ty liên kết:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Tái tạo Cà Mau	59.604.117.021	51.853.844.456
<i>Phải thu ngắn hạn khác về nhận cổ tức</i>		
Công ty liên kết:		
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Sơn Mỹ	4.370.512.500	4.370.512.500
	63.974.629.521	56.224.356.956

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng về cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty trong cùng Tập đoàn:		
Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Trung	11.657.000	-
Công ty Điện lực Bình Thuận	-	17.076.760
Công ty Điện lực Sài Gòn	-	306.088
	11.657.000	17.382.848
<i>Phải trả người bán ngắn hạn về mua dịch vụ</i>		
Công ty trong cùng Tập đoàn:		
Công ty Viễn thông và Công nghệ Thông tin - EVN	538.889.573	258.388.950
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 – Chi nhánh EVN	311.993.276	467.989.914
Công ty Truyền tải điện 3	252.928.389	252.867.518
Công ty Truyền tải điện 2	158.130.795	158.130.795
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	66.507.264	239.848.226
Công ty TNHH Một Thành Viên Khách sạn - Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực	36.500.000	-
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	-	89.232.570
	1.364.949.297	1.466.457.973
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn về cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty mẹ:		
EVN	223.595.659	223.595.659
Đầu tư khác:		
Công ty Cổ phần Năng lượng Sinh khối Hậu Giang	13.293.192.610	8.847.281.295
Công ty trong cùng Tập đoàn:		
Công ty Điện lực Bình Dương	2.989.763	2.989.763
Ban QLDA Điện Nông thôn Miền Trung	-	1.783.193.602
Ban QLDA Phát triển Điện lực Hà Nội	-	112.993.045
	13.519.778.032	10.970.053.364

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tiền lương, thù lao, thưởng của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
Thu nhập và thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Chơn Hùng	Chủ tịch HĐQT	486.000.000	369.804.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	468.000.000	356.112.000
Bà Phạm Liên Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	414.000.000	315.024.000
Ông Nguyễn Trọng Nam	Phó Tổng Giám đốc	414.000.000	315.024.000
Ông Nguyễn Hải Phú	Phó Tổng Giám đốc	414.000.000	315.024.000
Ông Nguyễn Mạnh Phát	Thành viên HĐQT	82.800.000	63.000.000
Ông Đinh Quang Tri	Thành viên HĐQT (từ ngày 30 tháng 6 năm 2022)	82.800.000	31.500.000
Ông Trương Khắc Len	Thành viên HĐQT (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)	-	31.500.000
Tiền lương của Kế toán trưởng			
Bà Bùi Thị Ngọc Lý	Kế toán trưởng	378.000.000	287.628.000
Thu nhập và thù lao của thành viên Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Hồng Khanh	Trưởng Ban Kiểm soát	86.400.000	65.748.000
Bà Trần Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát	82.800.000	63.000.000
Bà Phạm Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 30 tháng 6 năm 2022)	82.800.000	31.500.000
Bà Trần Thị Hòa	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)	-	31.500.000
TỔNG CỘNG		2.991.600.000	2.276.364.000

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê đất, thuê văn phòng và các dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Dưới 1 năm	3.951.629.174	5.621.591.174
Từ 1 đến 5 năm	671.956.697	357.076.697
Trên 5 năm	2.301.619.600	2.360.888.774
TỔNG CỘNG	6.925.205.471	8.339.556.645

Cam kết cho thuê hoạt động - Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	SỐ CUỐI NĂM (VND)	SỐ ĐẦU NĂM (VND)
Dưới 1 năm	9.679.314.168	5.828.284.862
Từ 1 đến 5 năm	14.700.422.708	7.768.811.560
TỔNG CỘNG	24.379.736.876	13.597.096.422

32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	1.477.051,08	3.105.590,97
Ngoại tệ - Rúp Nga (RUB)	7.520	7.520
Ngoại tệ - Yên Nhật (JPY)	352.000	352.000

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

HOÀNG THUY HOÀI YẾN
Người lập
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÙI THỊ NGỌC LÝ
Kế toán trưởng



PHẠM LIÊN HẢI
Phó Tổng Giám đốc

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN CHƠN HÙNG
Chủ tịch HĐQT
Ngày 19 tháng 4 năm 2024



NHẪM GÓP PHẦN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023 CỦA PECC2 ĐƯỢC IN VỚI SỐ LƯỢNG CÓ HẠN.
NGOÀI RA, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023 CỦA PECC2 CÒN ĐƯỢC CÔNG BỐ
BẰNG PHIÊN BẢN ĐIỆN TỬ, QUÝ VỊ QUAN TÂM VUI LÒNG TRUY CẬP WEBSITE:
WWW.PECC2.COM

